
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Trụ sở chính: Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.6289.549 - **Fax:** 0260.3862969

Email: ctyduongkontum@yahoo.com.vn - **Website:** www.ktsduongkontum.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM



BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN

2018

MỤC LỤC

〔 2 〕 THÔNG TIN CHUNG

〔 18 〕 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

〔 48 〕 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

60

QUẢN TRỊ CÔNG TY

74

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

82



- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ❖ Sơ đồ tổ chức
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Các rủi ro



“ THÔNG TIN CHUNG ”



Thông tin khái quát





Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
Tên giao dịch bằng tiếng Anh	: Kontum Sugar Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: Số 6100228104 cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum
Vốn điều lệ	: 50.700.000.000 VNĐ
Vốn đầu tư chủ sở hữu	: 50.700.000.000 VNĐ
Địa chỉ	: Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum
Số điện thoại	: 0260.3864 958 – 0260 6289 549
Số fax	: 0260.3862969 – 0260 3916 168
Website	: www.ktsduongkontum.vn
Mã cổ phiếu	: KTS
Niêm yết	: HNX

Quá trình hình thành và phát triển

1995

CTCP Đường Kon Tum tiền thân là Công ty Mía Đường Kon Tum, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/07/1995

2000

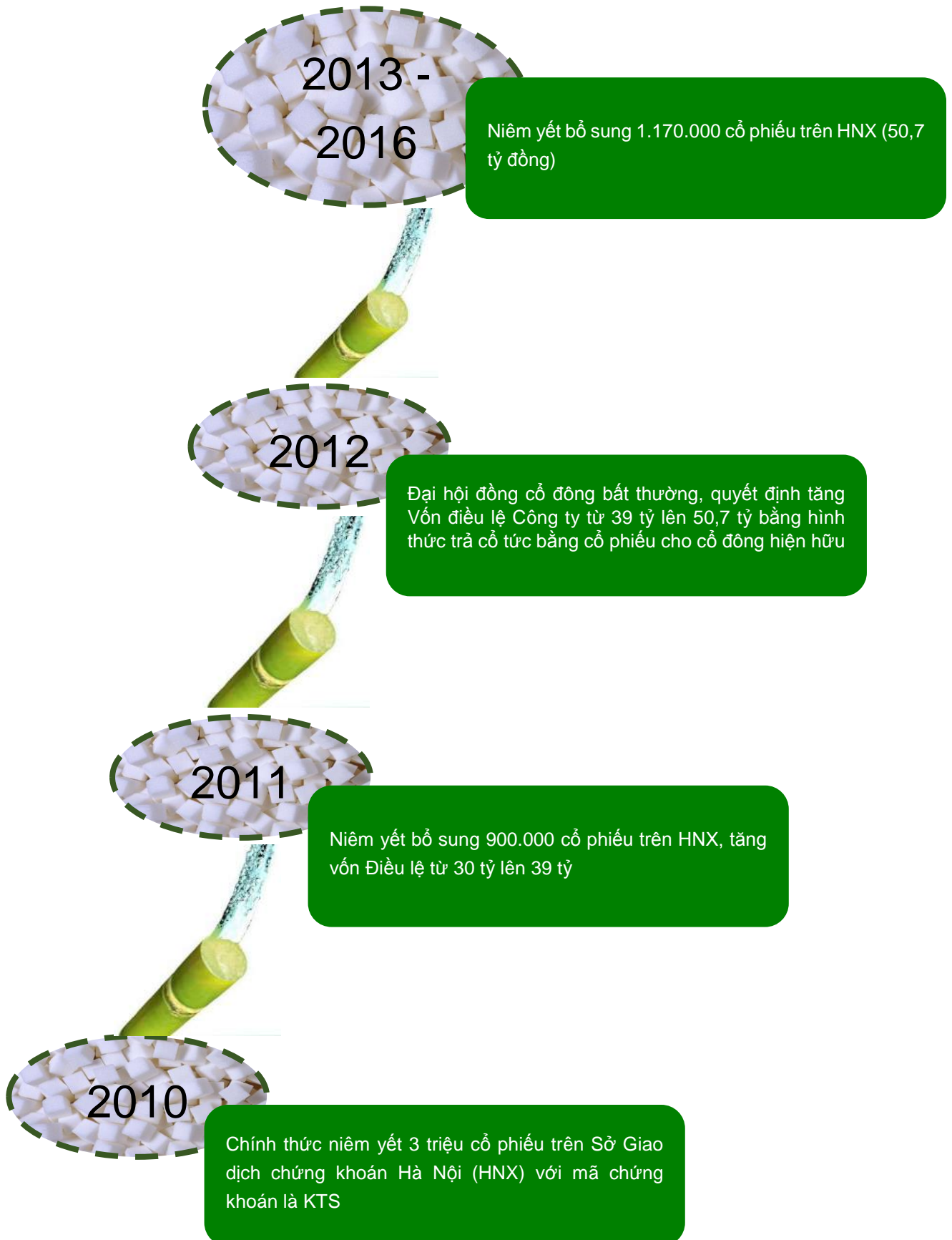
Công ty mía đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi

2006

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/ QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNN

2008

Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008



Ngành nghề kinh doanh



Trồng mía



Sản xuất đường



Rỉ mía đường



Bã mía

Địa bàn kinh doanh

- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại Kon Tum và một số huyện của Gia Lai;
- Thị trường đường, mật tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc;
- Bã bùn và phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.


Thành tích đạt được

- Cúp vàng sản phẩm dịch vụ ưu tú hội nhập WTO
- Cúp doanh nghiệp tiêu biểu Asean 2011
- Siêu cúp Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững
- Cúp sản phẩm thực phẩm tốt nhất Asean
- Cúp thương hiệu vàng 2012
- Cúp Top 100 sản phẩm chất lượng cao
- Cúp Tôn vinh 1 trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2012-2013
- Cúp Hàng nông lâm thủy sản VN chất lượng cao



Sơ đồ tổ chức





*“Cán bộ công nhân
viên Công ty cổ phần
Đường Kon Tum
cùng phấn đấu vì
mục tiêu phát triển
bền vững”*

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Mở rộng vùng khai thác nguyên liệu đầu vào, trong đó tập trung vào vùng nguyên liệu hiện có nhằm tạo sự linh động trong sản xuất, đáp ứng đủ công suất hoạt động cho các Nhà máy;



Tập trung nghiên cứu và đưa ra các giống mía mới có năng suất và chất lượng cao thay cho giống mía cũ đã thoái hóa, kém chất lượng



Tích cực hoàn thiện môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên nhằm phục vụ công tác quản trị điều hành của Công ty, kết hợp với việc đảm bảo vệ sinh môi trường.



Thực hiện nghiên cứu hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến nhằm tạo dây truyền sản xuất làm giảm tỷ lệ hao phí mía/đường góp phần nâng cao năng suất cho Công ty.



Tiến hành thực nghiệm hệ thống xử lý chất thải mới nhằm cải thiện thời gian và mức độ ảnh hưởng của chất thải đến môi trường xung quanh.

Các chiến lược phát triển trung và dài hạn



Tiến hành các chính sách hỗ trợ người nông dân canh tác trong vùng trồng nguyên liệu nhằm mở rộng quy mô, đồng thời, nâng cao năng suất, chất lượng và tính ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào.



Hoàn thiện kỹ thuật canh tác để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động, chuyên môn hóa từng khâu trong quá trình sản xuất sản phẩm.



Nghiên cứu và đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường, thị phần mới nhằm nâng cao năng suất tiêu thụ sản phẩm đường Kon Tum.



Áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại để hướng đến mục tiêu sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc về chất lượng, đồng thời nâng cao vị thế cạnh tranh với ngành đường thế giới.

Mục tiêu đối với môi trường của Công ty



Thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của Nhà nước.



Luôn đặt mục tiêu giảm thiểu tối đa lượng khí thải, nước thải tác động đến môi trường đối với hoạt động chính của Công ty.



Tích cực thực hiện công tác đào tạo nhằm nâng cao ý thức của người lao động về bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng thương hiệu và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng của Công ty



Hiểu rõ được những khó khăn còn tồn đọng của người dân tỉnh Kon Tum nói chung và người dân trồng mía nói riêng như giao thông khó khăn, trình độ dân trí còn chưa cao, sản xuất nhỏ lẻ, v.v... Vì vậy, để các hộ dân địa phương có việc làm, thu nhập ổn định, Công ty đã tạo điều kiện và tích cực thực hiện một số chính sách như:

- Công ty đẩy mạnh thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật canh tác, đào tạo cho nông dân có kiến thức cũng như kỹ năng canh tác giúp nâng cao năng suất và chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Gây quỹ hỗ trợ nhằm đóng góp phần nào vào mục tiêu xây dựng tỉnh Kon Tum ngày càng phát triển trong thời gian sắp tới.

Các rủi ro

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum là doanh nghiệp hoạt động theo loại hình công ty cổ phần và hiện cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do vậy, hoạt động của Công ty chịu sự quản lý và chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự giám sát và các văn bản hướng dẫn thực hiện bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bởi hoạt động chính của Công ty ngoài trồng mía còn sản xuất đường, rỉ mía, phân bón, v.v.... Tuy nhiên, trong những năm gần đây, hệ thống Luật và các văn bản liên quan của nước ta đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình kinh tế trong và ngoài nước, điều này sẽ phần nào ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những tác động về mặt pháp lý, Công ty đã chủ động theo dõi, cập nhật và điều chỉnh các quy định của Công ty sao cho phù hợp nhằm đảm bảo mục tiêu hoạt động đã được đề ra của Công ty.

Rủi ro giá hàng hóa, nguyên liệu

Trong giai đoạn năm 2017 - 2018, ngành mía đường Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn do lượng đường tồn kho tăng. Cụ thể, đến ngày 31/5/2018 tổng sản lượng đường sản xuất đạt gần 1,4 triệu tấn và theo nhận định của hiệp hội Mía đường "Đây là năm thứ hai có lượng tồn kho cao hơn so với cùng kỳ các năm gần đây". Nguyên nhân gây ra tình trạng trên là do thị trường mía đường nước ta đang bị tác động mạnh bởi đường Thái Lan và đặc biệt là tình trạng nhập lậu diễn ra ngày càng gay gắt. Điều này đã làm ảnh hưởng đáng kể đến giá cả hàng hóa, cũng như sức tiêu thụ đường trong nước. Nắm bắt được tình hình chung của ngành, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã linh động điều chỉnh chính sách, đẩy mạnh hoạt động thương mại, kết hợp với đó là chủ động theo dõi, cập nhật tình hình thị trường tiêu thụ và giá đường thành phẩm trên thị trường để có kế hoạch thu mua sản lượng nguyên liệu mía phù hợp cho sản xuất trong niên độ 2017/2018. Ngoài ra, Ban lãnh đạo còn thực hiện một số chính sách bán hàng nhằm củng cố mối quan hệ với nhà cung cấp, duy trì thị phần tiêu thụ hiện tại và định hướng phát triển trong thời gian sắp tới.



Rủi ro kinh tế

Trong năm 2017, tình hình kinh tế trong và ngoài nước có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ trở lại qua các yếu tố như chỉ số tiêu dùng cá nhân, nguồn vốn đầu tư toàn cầu, sự dao động của thị trường, v.v... Trong những tháng đầu năm 2018, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam được đánh giá có sự chuyển biến chậm lại bởi kế hoạch tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), đã làm ảnh hưởng đến dòng vốn ngoại có động thái rút khỏi thị trường. Cùng với đó là căng thẳng chính trị leo thang đã đẩy chính sách bảo hộ mậu dịch, thuế nhập khẩu ngày càng tăng cao. Vì vậy, để đối mặt với những thách thức trên, kinh tế Việt Nam đã có những chính sách khắc phục đúng đắn đã mang lại kết quả tích cực. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016 và tăng so với kế hoạch do Quốc hội đề ra. Cùng với đó, GDP 6 tháng đầu năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng 6 tháng cao nhất, đặc biệt ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định xu hướng phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 3,28%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm vào tốc độ tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Qua đó, cho thấy tình hình kinh tế năm 2018 vẫn còn nhiều cơ hội để tăng trưởng nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hiểu rõ được tình hình kinh tế trên, Ban điều hành đã chủ động theo dõi tình hình thị trường, tiến hành phân tích và đưa ra đánh giá kịp thời, từ đó có những chính sách phù hợp nhất cho hoạt động của Công ty.



Rủi ro đặc thù ngành

Ngành đường nước ta vẫn còn đang trong quá trình phát triển bởi chuỗi giá trị ngành còn đang phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào là cây mía. Đặc biệt với nguyên liệu chủ lực từ cây mía thì ngành đường nước ta đang gặp phải những khó khăn xuất phát từ khả năng quản lý nguồn nguyên liệu. Cụ thể, quy mô sản xuất mía còn ở mức vừa và nhỏ, dễ thay đổi diện tích, không ổn định vùng trồng; công tác nghiên cứu cây giống mới còn nhiều hạn chế, tạo rào cản lớn cho việc thay đổi giống mía cũ không còn phù hợp với từng địa phương khác nhau trong những năm qua; trình độ kỹ thuật canh tác và khâu bảo quản sau thu hoạch còn thấp đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và năng suất mía; ngoài ra, biến đổi khí hậu cũng đã tác động đáng kể đến chất lượng và năng suất cây mía; v.v..... Bên cạnh những hạn chế ở khâu đầu vào, ngành công nghiệp chế biến mía đường còn đang phải đối diện với chi phí sản xuất đường khá cao, công nghệ chế biến chuyển đổi mía sang đường của Việt Nam cũng chưa mang lại năng suất tối đa, điều này làm cho giá thành sản phẩm đường trong nước cao hơn so với các nước khác như Thái Lan và một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Nhằm khắc phục những hạn chế trên, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã chủ động thu mua nguồn nguyên liệu để kiểm soát chất lượng đầu vào. Đồng thời, nghiên cứu giống mía có năng suất cao kết hợp chính sách hỗ trợ người nông dân canh tác để giống mía mới đạt được kết quả tốt nhất. Trong năm, Ban lãnh đạo cùng với cán bộ công nhân viên chuyên môn thực hiện nghiên cứu hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến để hạn chế tỷ lệ hao hụt đường trong quá trình sản xuất của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm gần đây, thị trường phân phối đường của Việt Nam đang bị chi phối mạnh bởi đường nhập khẩu và tình trạng nhập lậu từ Thái Lan. Điều này đang ảnh hưởng tiêu cực đến đường trong nước, đẩy tình trạng tồn kho ngày càng tăng cao (nguyên nhân là do đường nhập lậu có giá thành rẻ hơn nhiều so với đường nhập khẩu chính thống trong khi đường trong nước lại có giá cao hơn đường nhập khẩu, điều này góp phần làm cho đường trong nước tồn kho cao). Tuy nhiên, việc hoãn hiệp định ATIGA (Hiệp định thương mại hàng hóa các nước ASEAN – áp dụng thuế quan cho các mặt hàng đường nhập khẩu từ các nước ASEAN sẽ từ mức 5% giảm về 0%) đang là cơ hội giúp các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Công ty Cổ phần Đường Kon Tum giảm áp lực cạnh tranh đường nhập khẩu, tạo điều kiện tập trung ứng phó đường nhập lậu bằng cách lên kế hoạch làm sao giảm được chi phí, điều chỉnh giá đường nhằm củng cố thị phần. Ngoài ra, việc xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp đã giúp Công ty nâng cao vị thế cạnh tranh, từ đó đưa ra định hướng phát triển thương hiệu bền vững ở thị trường trong nước, đồng thời, tìm kiếm thị trường xuất khẩu tiềm năng cho sản phẩm Đường Kon Tum trong thời gian sắp tới.

Rủi ro môi trường

Là Công ty hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh nên chịu sự quản lý chặt chẽ của các cấp ban ngành liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời, xây dựng khuôn viên làm việc đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Bên cạnh định hướng phát triển, xây dựng thương hiệu vững mạnh và đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng, Công ty luôn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty luôn cố gắng nghiên cứu, nâng cấp hệ thống xử lý nước và chất thải góp phần đưa nhà máy hoạt động tối đa, đảm bảo được những quy định về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty còn thực hiện tuyên truyền nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm bảo vệ môi trường làm việc của chính mình và của Công ty.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như thiên tai, chiến tranh, biến động chính trị, dịch bệnh, v.v... những hạn chế này không thể tránh khỏi khi xảy ra nhưng có thể giảm thiệt hại. Vì vậy, để phòng ngừa những rủi ro khách quan này Công ty cần có những biện pháp dự phòng giúp giảm tối đa thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



HÃY VI MỘT CÔNG TY
XANH SẠCH-Đ

TỔNG CÔNG TY SẢN PHẨM SUGARCANE



“ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM ”

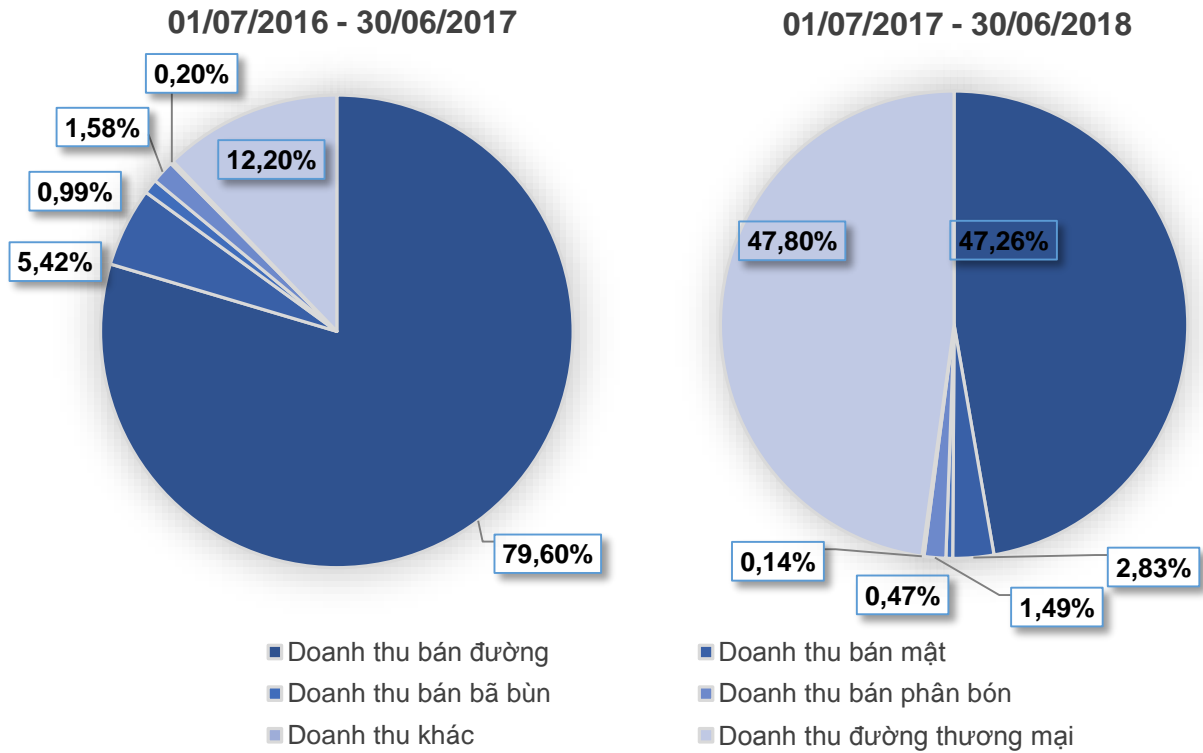
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	01/01/2016 - 30/06/2016		01/07/2016 - 30/06/2017		01/07/2017 - 30/06/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán đường	184.915.276.573	91,98%	234.471.868.047	79,60%	239.934.291.002	47,26%
Doanh thu bán mật	11.558.476.191	5,75%	15.972.165.000	5,42%	14.387.271.430	2,83%
Doanh thu bán bã bùn	1.924.223.892	0,96%	2.929.571.961	0,99%	2.366.815.142	0,47%
Doanh thu bán phân bón	1.217.184.500	0,61%	4.642.611.832	1,58%	7.582.892.964	1,49%
Doanh thu khác	1.424.239.763	0,71%	602.832.286	0,20%	730.641.572	0,14%
Doanh thu đường thương mại	-	0,00%	35.952.380.952	12,20%	242.652.510.475	47,80%
Tổng cộng	201.039.400.919	100%	294.571.430.078	100%	507.654.422.585	100%





Trong cơ cấu doanh thu ở niên vụ 2017/2018, doanh thu chủ yếu đến từ bán đường thành phẩm và bán đường cho các công ty thương mại, lần lượt chiếm 47,26% và 47,80%. Niên vụ này Công ty có mức tăng trưởng ổn định từ doanh thu bán đường thành phẩm đạt 239.934 triệu đồng, tăng 2,33% so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt doanh thu từ bán đường thương mại tăng trưởng mạnh đạt 242.652 triệu đồng, tăng gần gấp 6 lần so với cùng kỳ niên vụ trước. Điều này góp phần giúp tổng doanh thu trong niên độ 2017/2018 đạt 507.654 triệu đồng, tăng 72,34% so với cùng kỳ niên độ 2016/2017. Ngoài ra, doanh thu từ bán phân bón đạt 7.583 triệu đồng, tăng 63,32% so với cùng kỳ trước, doanh thu từ bán mật và bã bùn có xu hướng giảm nhưng không làm ảnh hưởng đáng kể đến tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum.



Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	01/01/2016 - 30/06/2016		01/07/2016 - 30/06/2017		01/07/2017 - 30/06/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận bán đường	23.257.431.702	62,32%	22.266.827.167	52,54%	(1.284.138.919)	-
Lợi nhuận bán mật	10.836.228.330	29,03%	15.972.165.000	37,69%	14.387.271.430	76,99%
Lợi nhuận bán bã bùn	1.924.223.892	5,16%	2.929.571.961	6,91%	2.366.815.142	12,67%
Lợi nhuận bán phân bón	55.503	0,00%	243.947.708	0,58%	500.137.368	2,68%
Lợi nhuận khác	1.303.971.702	3,49%	729.328.252	1,72%	550.615.309	2,95%
Lợi nhuận đường thương mại	-	0,00%	238.095.238	0,56%	2.167.099.021	11,60%
Tổng cộng	37.321.911.129	100%	42.379.935.326	100%	18.687.799.351	100%

Niên độ 2017/2018, lợi nhuận của đường Kon Tum đạt 18.688 triệu đồng, giảm 55,90% so với cùng kỳ niên độ trước. Nguyên nhân là do giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty cao, áp lực thị trường bị cạnh tranh nên Công ty phải thực hiện điều chỉnh giá nhằm duy trì thị phần cũ và tìm kiếm, mở rộng thị trường mới, điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến biên lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, việc đẩy mạnh hoạt động bán đường cho các công ty thương mại đã đem lại kết quả khả quan góp phần làm tăng biên lợi nhuận và cũng là nền tảng giúp Ban điều hành xây dựng những chính sách mới hiệu quả hơn trong thời gian sắp tới.

Các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

Chỉ tiêu	ĐVT	01/07/2016	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực	%
		- 30/06/2017	01/07/2017 - 30/06/2018	01/07/2017 - 30/06/2018	hiện so với kế hoạch 01/07/2017 - 30/06/2018	Tăng/giảm so với 01/07/2016 - 30/06/2017
Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	212.166	288.660	171.499,78	59,41%	-19,17%
Sản lượng mía sạch	Tấn		280.000	164.874,68	58,88%	0,00%
Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	21.377	35.000	16.669,32	47,63%	-22,02%
Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	16.005	35.000	22.024,71	62,93%	37,61%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	294.571	1.573.049	507.654	32,27%	72,34%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	43.711	28.471	10.225	35,91%	-76,61%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	42.380	27.604	8.986	32,55%	-78,80%

Niên vụ này, Công ty phải đối mặt với nhiều thách thức lớn như thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh mạnh bởi đường nước ngoài nhập khẩu, đặc biệt là tình trạng nhập lậu đường từ các nước Đông Nam Á. Do vậy, để đảm bảo được mục tiêu hoạt động đề ra của Công ty, Ban lãnh đạo thường xuyên chỉ đạo, điều chỉnh phương án kinh doanh để phù hợp với tình hình hiện tại. Trong niên vụ 2017/2018, sản lượng đường tiêu thụ đạt 22.024,71 tấn, tăng 37,61% so với cùng kỳ niên độ trước, tổng doanh thu đạt 507.654 triệu đồng, tăng 72,34% so với cùng kỳ niên độ 2016/2017, tuy nhiên các chỉ tiêu về sản lượng đường sản xuất không đạt so với kỳ vọng do phía nhà cung cấp giao máy móc thiết bị chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động của các nhà máy. Nhìn chung, với sự chủ động và nhạy bén Ban lãnh đạo Công ty đã giúp cho hoạt động sản xuất được diễn ra liên tục và ổn định trong niên độ 2017/2018.



Tổ chức nhân sự

Hội đồng quản trị



Ông Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	14/09/1978 tại Củ Chi – TP.HCM
Số CMND	023302165 cấp ngày 25/4/2011 tại TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<p>2006 – 2007: Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long</p> <p>2007 – 2008: Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc</p> <p>2009 – 2010: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam</p> <p>2006 – 2010: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông</p> <p>2010 – 2011: Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến tre</p> <p>05/2013 – 03/07/2015: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum</p> <p>3/7/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre TGD Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần





Ông Lê Hồng Thái – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

Năm sinh	22/12/1952 tại Thanh Hóa
Số CMND	022053076 cấp ngày 27/09/2014 tại TP. HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Luật
Quá trình công tác	1995- nay: Công tác tại CTCP XNK Ngũ Cốc 3/7/2015 – nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Đường Kon Tum 30/3/2016 – nay: TGD CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Ngũ Cốc
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần





Ông Trần Ngọc Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	12/10/1956 tại Hà Nội
Số CMND	022704756 cấp ngày 02/04/2001 tại TP HCM
Địa chỉ thường trú	294 Hùng Vương, Phường 15, Quận 5, TP HCM
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh
Quá trình công tác	1976 – 1981: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia 1982 – nay: Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm 3/7/2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Mía đường Tuy Hòa, CTCP Mía đường Đắk Nông; TGD Công ty CP Mía đường Sơn La.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần



Ông Nguyễn Sỹ Hà – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	23/07/1972 tại Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
Số CMND	233159577 cấp ngày 31/5/2008 tại CA Kon Tum
Địa chỉ thường trú	Số 16, Đường Tô Hiến Thành, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
Trình độ chuyên môn	CNKT Chế biến Đường, Cử nhân Luật.
Quá trình công tác	Từ năm 1998 đến năm 2003 công tác tại phân xưởng sản xuất Công ty mía đường Kon Tum. Giữ các chức vụ từ Tổ trưởng đến Trưởng ca sản xuất. Từ 2003-4/2016: nay công tác tại phòng Tổ chức Hành chính Công ty Đường Kon Tum (nay là Công ty cổ phần Đường Kon Tum). Giữ các chức vụ: Chuyên viên, Phó phòng đến Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính. Từ 5/2016 đến nay: TVHĐQT Công ty CP Đường Kon Tum, kiêm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần





*Hàng Nông Lâm
Thủy Sản Việt
Nam Chất Lượng
Cao và Uy Tín
Thương Mại*

Ban kiểm soát



Bà Trần Thị Nhi – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	25/10/1964
Số CMND	0254933493 cấp ngày 21/07/2011 tại TP HCM
Địa chỉ thường trú	128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, TP HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán
Quá trình công tác	1991 – 03/2010: Lần lượt là Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị 04/2010 – 09/2013: Phó Giám đốc CTCP Thương mại – Dịch vụ Quảng Trị 11/2013 – nay Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần



Nguyễn Thị Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	13/03/1960
Số CMND	280096294 cấp ngày 04/09/2001 tại Bình Dương
Địa chỉ thường trú	158 KP Hưng Thọ, P. Hưng Định, Thuận An, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	1985 – 1987: Cục Thuế Bình Dương 1987 – 2014: CTCP Đường Bình Dương 2014 – nay: Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kontum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần



Ông Nguyễn Đức Cần – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	20/01/1971 tại Thị Trấn Mộ Đức – Huyện Mộ Đức – Tỉnh Quảng Ngãi
Số CMND	233177566 cấp ngày 18/6/2009 tại CA Kon Tum
Địa chỉ thường trú	Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<p>1990-1992: Học ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn</p> <p>1996-1997: Học nghề Kiểm tra Chất lượng Thực phẩm, tại Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng</p> <p>Năm 1997 đến tháng 12/2005: Công tác tại Công ty Mía Đường Kon Tum, Nhà máy Đường với chức danh, Tổ trưởng Tổ KCS</p> <p>2002-2006: Học Đại học Quản trị Kinh doanh, tại Trường Đại học Đà Nẵng</p> <p>Tháng 01/2006 đến tháng 8/2013: Công tác tại Phòng Kế hoạch Kinh Doanh- Tổng hợp Công ty Đường Kon Tum, với chức danh Nhân viên</p> <p>Tháng 9/2013 – Nay: Công tác tại Phòng Tổ chức –Hành chính, với các chức danh Phó phòng, Trưởng phòng TCHC.</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	100 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần có quyền biểu quyết



Ban điều hành và kế toán trưởng**Ông Lê Hồng Thái – Tổng Giám đốc**

Xem phần SYLL HĐQT

**Ông Hồ Minh Tường – Kế toán trưởng**

Năm sinh	05/06/1966 tại Bình Định
Số CMND	233041570 cấp ngày 08/10/2009 tại Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	12/1986 – 09/1989: Nhân viên phòng tài chính huyện Mang Yang – Tỉnh Gia Lai – Kon Tum 09/1989 – 1991: Nhân viên Phòng tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Gia Lai – Kon Tum 1991 – 1995: Phó phòng Tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Kon Tum 1995 – 07/2008: Kế toán trưởng Công ty Đường Kon Tum 07/2008 – nay: Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	7.126 cổ phần, chiếm 0,073% số cổ phần có quyền biểu quyết

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2018

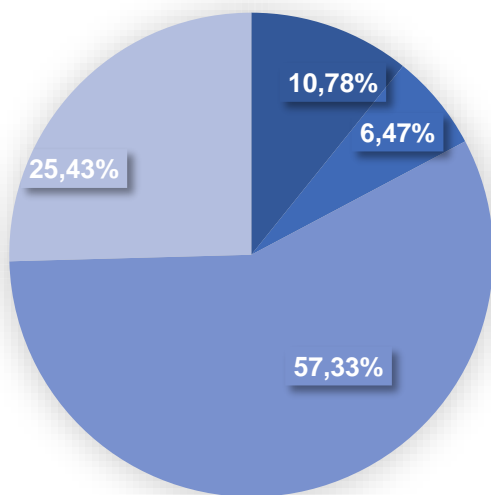
STT	Họ và tên	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Ngày được bổ nhiệm/miễn nhiệm	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thắng	Miễn nhiệm	11/04/2018	Phó Tổng giám đốc	
2	Nguyễn Hữu Quảng	Bổ nhiệm	06/08/2018	Trợ lý Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất Công nghệ	



Số lượng cán bộ công nhân viên

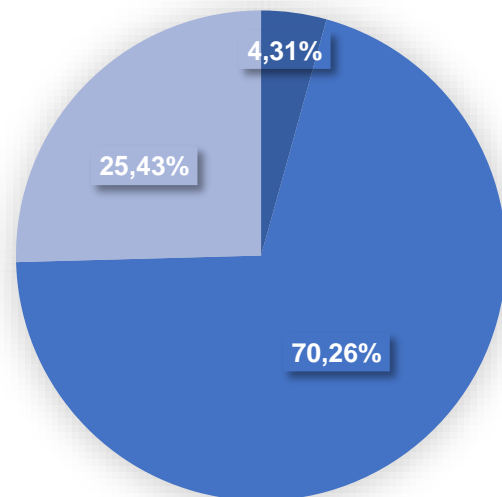
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	232	100%
1	Đại học, cao đẳng	25	10,78%
2	Trung cấp	15	6,47%
3	Công nhân kỹ thuật	133	57,33%
4	Lao động phổ thông	59	25,43%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	232	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	10	4,31%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	163	70,26%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	59	25,43%

Theo trình độ



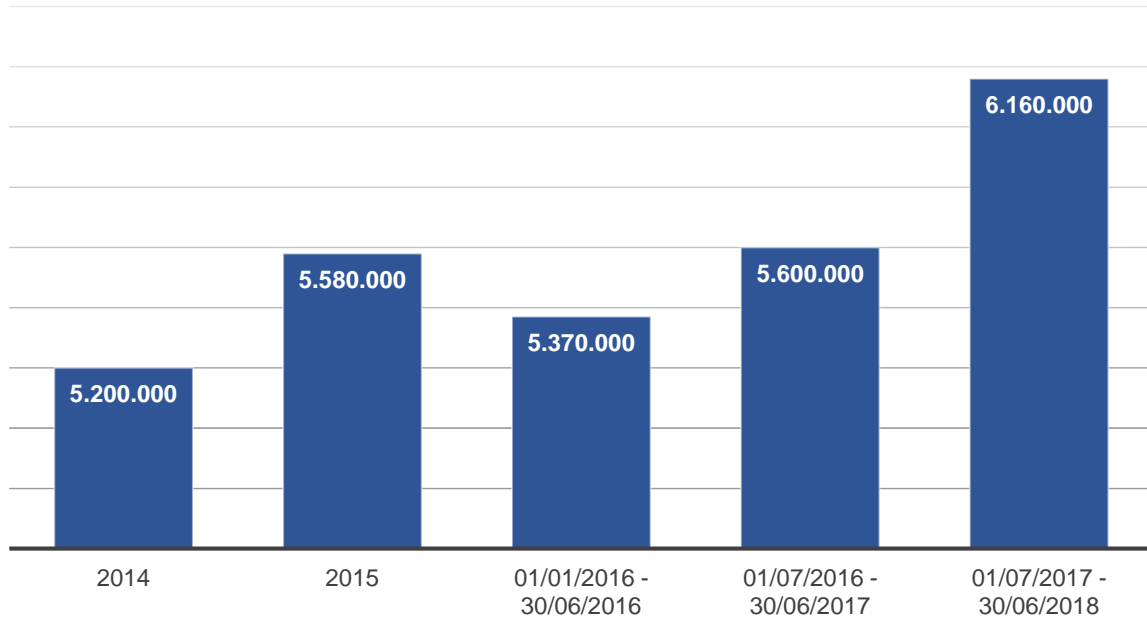
■ Đại học, cao đẳng ■ Trung cấp
■ Công nhân kỹ thuật ■ Lao động phổ thông

Theo tính chất hợp đồng lao động



■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn
■ Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

Mức lương bình quân



Chính sách nhân sự

Về môi trường công việc:

Đội ngũ cán bộ công nhân viên là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty trong hiện tại và tương lai. Vì vậy, để xây dựng mối quan hệ mật thiết và gắn bó lâu dài giữa người lao động với Công ty, Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc đảm bảo vệ sinh an toàn. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, trong đó quan tâm đến vấn đề tiếp cận kỹ thuật trong sản xuất, nắm bắt tình hình vận hành, kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra trong quá trình vận hành máy móc thiết bị ở nhà máy sản xuất. Nhiệm vụ vừa qua, Công ty còn tiến hành thăm hỏi các hộ gia đình gặp khó khăn và có chính sách giúp đỡ kịp thời để hỗ trợ người lao động nhằm giúp họ an tâm công tác tại Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tạo môi trường làm việc năng động, đoàn kết từ những hoạt động tập thể như thi đua giữa các phòng ban, văn nghệ, thể thao, tham quan

, v.v... và chính sách lương thưởng xứng đáng cho những cá nhân có cống hiến vì sự phát triển của Công ty.

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ:

Công ty luôn cập nhật và thực hiện đúng chính sách lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động. Đồng thời, thực hiện tốt các loại hình bảo hiểm nhằm đảm bảo quyền lợi bảo vệ sức khỏe cho người lao động như BHXH, BHYT, v.v..... Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện các chính sách đãi ngộ nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ công nhân viên căn cứ dựa trên những tiêu chuẩn như: mức độ hoàn thành công việc, năng lực làm việc; sáng tạo trong quá trình làm việc tại Công ty, đạt danh hiệu thi đua do Công ty đưa ra, v.v.....

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Việc thực hiện dự án nâng công suất nhà máy đường lên 2.500 TMN

Ngay sau khi ĐHĐCĐ bất thường ngày 13/5/2017 thông qua Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy Đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN, Hội đồng quản trị đã kịp thời phê duyệt “*Dự án Đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN*”. Đồng thời triển khai ngay việc tổ chức thực hiện, chỉ đạo Ban Điều hành, Ban Quản lý Dự án lập kế hoạch, tiến độ và các thủ tục đảm bảo đúng theo Quy chế của Công ty và quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư. Cụ thể tiến độ thực hiện đến ngày 30/06/2018 như sau:

Tổng mức đầu tư được ĐHĐCĐ ngày 13/05/2017 thông qua: 173,916 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT)

Tổng kinh phí đã thực hiện đến 30/6/2018: 187,388 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT)

Trong đó:

+ Chi phí thiết bị	:	133,209 tỷ đồng.
+ Chi phí xây lắp	:	37,395 tỷ đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư	:	4,616 tỷ đồng.
+ Chi phí quản lý dự án	:	1,055 tỷ đồng.
+ Chi phí lãi vay trong thời gian đầu tư	:	4,808 tỷ đồng.
+ Chi phí khác (gồm: dịch vụ hải quan, vận chuyển và thuê nhà thầu)	:	6,305 tỷ đồng.

Tổng kinh phí thực hiện vượt 13,472 tỷ đồng so với tổng mức đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.



Tình hình tài chính

Khoản mục	01/07/2015 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017	01/07/2017 - 30/06/2018	% Tăng giảm 01/07/2017 - 30/06/2018 và 01/07/2016 - 30/06/2017
Tổng tài sản	141.072.836.737	325.880.460.962	511.199.687.039	56,87%
Doanh thu thuần	380.520.942.975	294.571.430.078	507.654.422.585	72,34%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	51.703.795.606	45.356.964.292	11.097.807.451	-75,53%
Lợi nhuận khác	-1.581.044.451	-1.646.277.202	-872.227.346	-
Lợi nhuận trước thuế	50.122.751.155	43.710.687.090	10.225.580.105	-76,61%
Lợi nhuận sau thuế	49.651.749.643	42.379.935.326	8.985.966.963	-78,80%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.793	8.359	1.585	-81,04%



Chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	01/07/2016 - 30/06/2017	01/07/2017 - 30/06/2018	% Tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,55	1,21	-21,90%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,96	1,17	22,26%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,11%	69,84%	31,50%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	113,26%	231,57%	104,46%
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,52	8,63	91,10%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,25	1,21	-2,63%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
ROS	%	14,39%	1,77%	-87,70%
ROE	%	28,96%	5,85%	-79,78%
ROA	%	17,92%	2,15%	-88,02%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,40%	2,19%	-85,80%



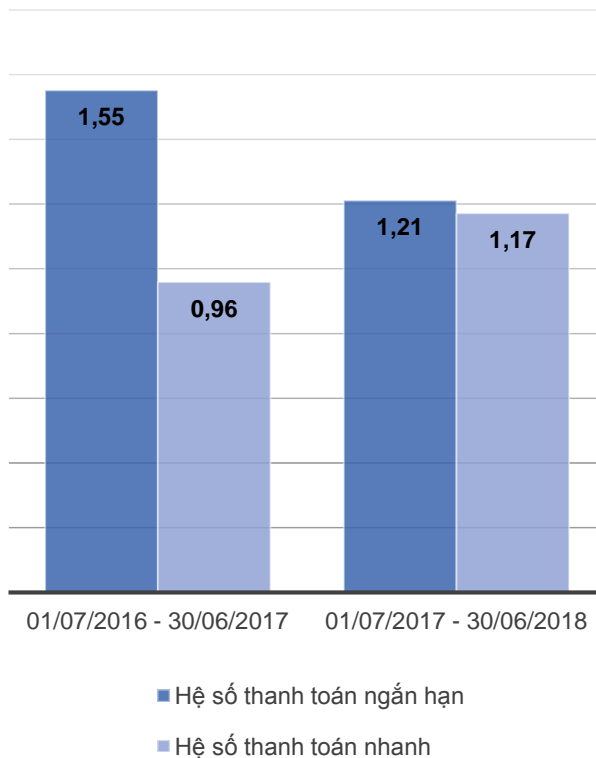
Khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán ngắn hạn trong niên độ 2017/2018 đạt 1,21 lần, giảm 21,90% so với cùng kỳ niên độ năm 2016/2017, tuy nhiên xu hướng giảm này không ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Nguyên nhân là do trong niên độ 2017/2018, Công ty đẩy mạnh hoạt động vay nợ để tài trợ cho vốn lưu động và máy móc thiết bị, đồng thời, Công ty còn có các khoản ứng trước của một số đối tác thương mại đường như Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, dẫn đến khoản mục nợ phải trả tăng mạnh (106,36%) so với cùng kỳ niên độ trước, trong khi tài sản ngắn hạn của Công ty chỉ tăng 22,76% so với niên độ 2016/2017. Tuy nhiên, các chỉ số về khả năng thanh toán vẫn lớn hơn 1 cho thấy tình hình tài chính của Công ty vẫn được đảm bảo.

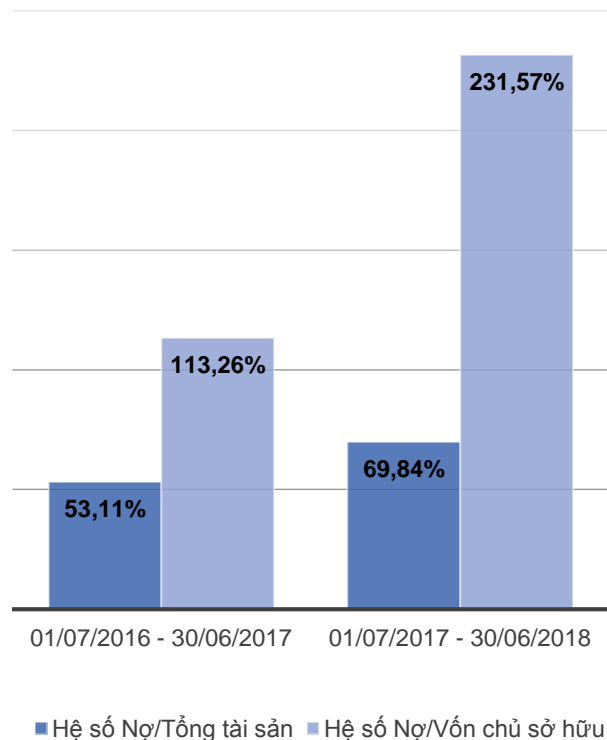
Cơ cấu vốn:

Cơ cấu vốn của Công ty trong niên độ 2017/2018 có xu hướng chuyển dịch theo hướng tăng nợ vay so với cùng kỳ niên độ 2016/2017, cụ thể hệ số nợ trên tổng tài sản là 69,84%, tăng 31,50% so với cùng kỳ niên độ trước; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 231,51%. Chính sách tăng sử dụng nợ vay để tài trợ vốn lưu động và đầu tư nâng công suất nhà máy đường nhằm tăng sản lượng đầu ra, đồng thời tăng chất lượng sản phẩm cũng như giảm chi phí tiêu hao đã dẫn tới sự biến động trong cơ cấu vốn của Công ty. Tuy ngành mía đường đang gặp khó khăn nhưng với chính sách quản lý vốn chặt chẽ đồng thời với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, Ban lãnh đạo Công ty đánh giá việc đầu tư máy móc mới và nâng công suất nhà máy sẽ mang lại hiệu quả tốt trong tương lai.

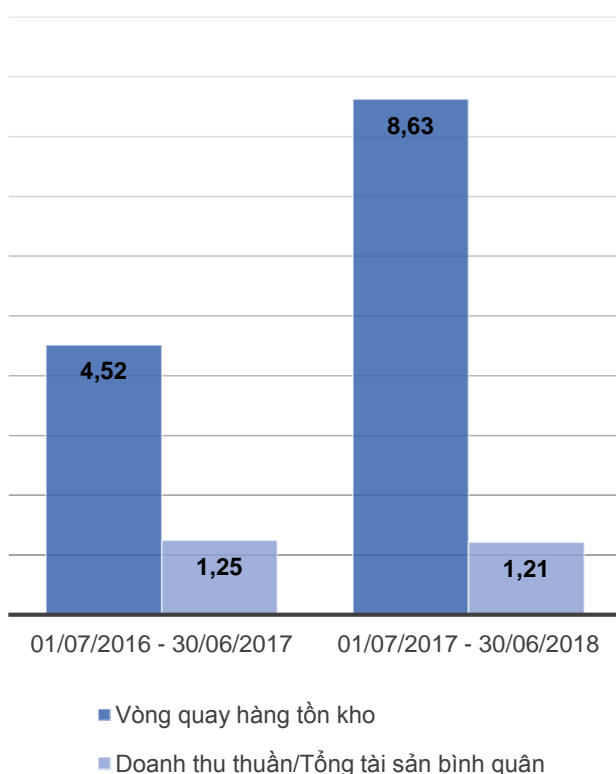
Khả năng sinh lời



Cơ cấu vốn



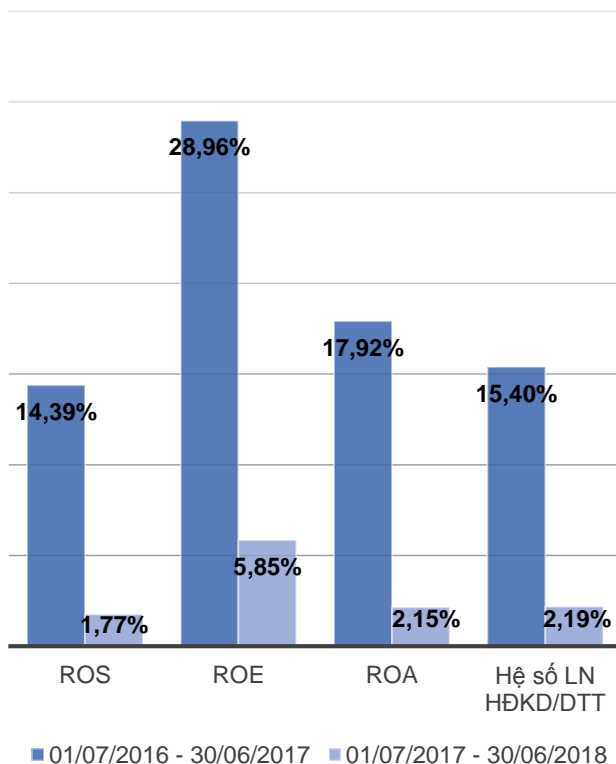
Hiệu suất hoạt động



Hiệu suất hoạt động:

Niên độ 2017/2018, chỉ tiêu về vòng quay hàng tồn kho đạt 8,63 vòng, tăng 91,10% so với cùng kỳ niên độ 2016/2017. Bởi việc đẩy mạnh hoạt động bán đường cho các công ty thương mại đã giúp lượng hàng tồn kho giảm gần 10 lần so với cùng kỳ niên độ trước. Bên cạnh đó, chỉ tiêu doanh thu thuần trên tổng tài sản đạt 1,21 vòng, giảm 2,63% so với cùng kỳ niên độ trước. Nhìn chung, hiệu quả hoạt động của Công ty được cải thiện rõ khi mà Ban lãnh đạo Công ty đẩy mạnh hoạt động bán đường thông qua các đơn vị thương mại vừa phù hợp tình hình của thị trường vừa tránh được việc dự trữ hàng tồn kho, giảm chi phí lưu kho và giảm giá trị hàng hóa.

Khả năng sinh lời



Khả năng sinh lời:

Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty trong niên độ 2017/2018 có xu hướng giảm so với niên độ trước mặc dù doanh thu tăng trưởng. Nguyên nhân là do niên độ này Nhà máy của Công ty vào vụ muộn do nhà sản xuất cung cấp máy móc chậm nên việc sản xuất niên độ này không đạt so với kế hoạch đề ra. Trong thời gian sắp tới, với việc định hướng tập trung cải thiện chất lượng sản phẩm, đầu tư máy móc mới để tăng sản lượng đầu ra và một số chính sách hoạt động khác đang được mong đợi sẽ mang lại kết quả tích cực trong tương lai.

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.070.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.070.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

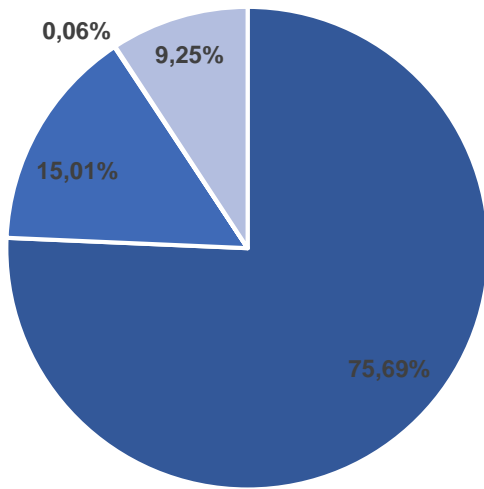


Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
			(đồng)	
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	4.598.220	45.982.200.000	90,69%
1	Cá nhân	3.837.291	38.372.910.000	75,69%
2	Tổ chức	760.929	7.609.290.000	15,01%
III	Cổ đông nước ngoài	471.780	4.717.800.000	9,31%
1	Cá nhân	2.990	29.900.000	0,06%
2	Tổ chức	468.790	4.687.900.000	9,25%
Tổng cộng		5.070.000	50.700.000.000	100%

Danh sách tính đến ngày 28/08/2018

Cơ cấu cổ đông



- Cổ đông cá nhân trong nước
- Cổ đông tổ chức trong nước
- Cổ đông cá nhân nước ngoài
- Cổ đông tổ chức nước ngoài

Danh sách cổ đông lớn

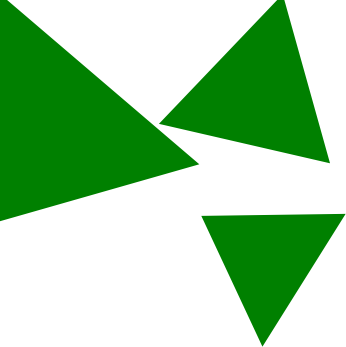
STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tất Đạt	358.800	7,08%

Danh sách tính đến ngày 28/08/2018

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

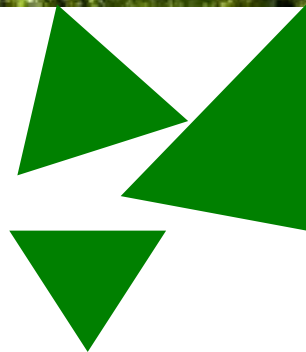




BÁO CÁO TÁC ĐỘNG



LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội

Một nền kinh tế bền vững là khi việc bảo vệ môi trường luôn đặt lên trên và là mục tiêu quan trọng giúp hoạt động của các doanh nghiệp phát triển bền vững. Do vậy, các nền kinh tế từ lớn đến vừa và nhỏ đều rất chú trọng vào những chính sách hạn chế giảm thải chất rắn, khí, lỏng, v.v.... trực tiếp ra môi trường. Đồng thời, các doanh nghiệp còn tích cực nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của mỗi người lao động nhằm xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ.

Đặc trưng chất thải của ngành sản xuất mía đường chưa qua xử lý thải ra môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường xung quanh. Vì vậy, các chất thải từ bã mía được Công ty tài chế thành phân bón vừa mang lại doanh thu cho Công ty vừa hạn chế được các tác động tiêu cực đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng việc đào tạo nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc bảo vệ môi trường.



Quản lý nguồn nguyên liệu



Do tác động của đường nhập khẩu và đường lậu từ Thái Lan đã ảnh hưởng lớn đến lượng đường tiêu thụ của các doanh nghiệp trong nước, lượng hàng tồn kho cao tác động trực tiếp đến giá bán và làm cho một số doanh nghiệp thận trọng hơn trong việc sản xuất, điều này đã tác động không nhỏ đến công tác thu mua mía tại vùng nguyên liệu ở địa phương. Niên độ 2017/2018, nhiều vùng trồng mía trên địa bàn đã đổi sang cây trồng khác để có biên lợi nhuận cao hơn, điều này gây khó khăn cho công tác thu mua nguyên vật liệu đầu vào. Để đảm bảo sản lượng đầu vào và kiểm soát được chất lượng nguồn nguyên liệu Công ty đã tiến hành thu mua ở những vựa mía liên kết lâu năm, đồng thời, linh động trong việc thỏa thuận giá nhằm xây dựng mối quan hệ lâu dài. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng theo dõi sát sao và đưa ra kế hoạch hoạt động, sản xuất hợp lý nhằm đảm bảo kế hoạch vận hành của Công ty.

Tiêu thụ năng lượng



Trước tình hình hoạt động đang gặp nhiều khó khăn như hiện nay, Công ty đã đưa ra một số chính sách sử dụng tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất, trong đó có nguồn năng lượng. Công ty hoạt động chủ yếu là sản xuất kinh doanh sử dụng công suất lớn, do đó, Ban giám sát có trách nhiệm theo dõi, giám sát hệ thống máy móc, thiết bị để vừa đảm bảo hệ thống hoạt động trơn tru vừa chắc chắn được tắt hoàn toàn khi hết giờ làm việc, thực hiện bảo trì định kỳ cho máy móc, thiết bị nhằm duy trì tuổi thọ hệ thống và khả năng vận hành. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao tính tự giác tiết kiệm của người lao động, cán bộ công nhân viên văn phòng góp phần giảm chi phí điện năng, đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Tiêu thụ nước




Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành sản xuất mía đường sử dụng một lượng nước khá lớn để phục vụ quá trình sản xuất, do đó, lo ngại lớn nhất của các công ty về việc xử lý nước thải là điều khó tránh khỏi, trong đó có Công ty Cổ phần Đường KonTum. Vì thế, để giải quyết vấn đề trên Công ty đã thực hiện đưa nguồn nước thải vào bể lắng nhằm lọc tạp chất trước khi đưa ra môi trường, đảm bảo hoạt động của Công ty không ảnh hưởng đến nguồn nước xung quanh, hướng đến sự phát triển bền vững.



Trách nhiệm của người lao động và người địa phương

Nhằm xây dựng mối quan hệ mật thiết lâu dài với người lao động, Công ty đã chú trọng công tác chăm lo đời sống của người lao động. Trong đó, Ban lãnh đạo chủ động thực hiện điều chỉnh mức lương, thưởng sao cho phù hợp với biến động của thị trường nhằm giúp đời sống của người lao động được cải thiện, tạo cơ hội cho người lao động gắn bó lâu dài với Công ty. Công tác chăm sóc sức khỏe của người lao động luôn được chú trọng, tất cả lao động của Công ty đều được mua bảo hiểm đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, Công ty còn đẩy mạnh tinh thần đoàn kết trong các khối văn phòng, khối sản xuất, v.v.... bằng những buổi sinh hoạt chung. Đồng thời, Công ty còn thường xuyên hưởng ứng các hoạt động từ thiện cho các vùng bị thiên tai, lũ lụt, v.v... qua những cuộc vận động thiện nguyện, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, v.v.... Qua đó, Công ty mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào sự phát triển của xã hội và xây dựng sự phát triển của Đường Kon Tum theo hướng bền vững cho tương lai.

- 
- 
- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
 - ❖ **Tình hình tài chính**
 - ❖ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
 - ❖ **Các nhóm giải pháp chủ yếu**



“

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

”

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Công tác thu mua nguyên liệu, vận chuyển mía nguyên liệu

TT	Mía Nguyên liệu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017-2018	Thực hiện 2017-2018	Tỷ lệ % TH/ KH
1	Tổng sản lượng mía thô	Tấn	288.660	171.499,78	59,41%
1.1	Mía thô trong vùng	Tấn	76.327	78.978,84	103,47%
1.2	Mía thô ngoài vùng	Tấn	212.333	92.520,94	43,57%

- Niên vụ 2017-2018, mặc dù sản lượng mía Công ty đầu tư trong vùng còn ít, nhưng nhờ Công ty đã tiến hành đưa một số giống mía mới vào trồng với diện tích 506 ha (chiếm 43% tổng diện tích thu mua trong vùng) nên năng suất và chữ đường tăng lên đáng kể. Năng suất B/q 72,5 tấn/ha (tăng 7,3 tấn/ha so với vụ 2016-2017); chữ đường đạt 9,1CCS (tăng 0,26 CCS so với vụ 2016-2017).

- Công tác thu mua, vận chuyển mía trong vùng luôn đáp ứng đủ công suất hoạt động của Nhà máy; không có tình trạng mía để khô trên ruộng quá thời gian quy định; không có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện gì về công tác thu mua, vận chuyển.

- Mía ngoài vùng thu mua không đạt so với kế hoạch. Nguyên nhân là do: Nhà máy vào vụ muộn; áp lực thu mua mía đầu tư trong vùng lớn nên phải chờ thu mua hết mía trong vùng sau đó mới mua mía ngoài vùng dẫn đến sản lượng mía ngoài vùng không đạt; đặc biệt giai đoạn cuối vụ thời tiết mưa nhiều, mía ngoài vùng chất lượng kém, việc vận chuyển mía của bà con nông dân hết sức khó khăn, giá thành sản phẩm Đường cao hơn giá bán nên buộc phải dừng sản xuất.

- Nhìn chung, trong niên độ 2017/2018 Công ty chủ động thực hiện nghiên cứu và đưa vào trồng giống mía mới đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đảm bảo được năng suất và chất lượng sản phẩm. Đây là một trong những nền tảng vững chắc để Công ty định hướng mở rộng thị phần và đa dạng sản phẩm nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian sắp tới.



Công tác đầu tư chăm sóc và trồng mới, trồng lại vụ 2017 - 2018

TT	Nội dung	ĐVT	TH vụ 2016-2017	KH vụ 2017-2018	TH vụ 2017-2018	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	DT đầu tư chăm sóc	ha	1.101,13	1.166,25	1.166,25	100%
2	DT trồng mới mở rộng	ha	285,6	500	474,5	95%
3	Diện tích phá gốc trồng lại	ha	228,84	200	157,51	79%

Vụ 2017-2018, diện tích trồng giống mía mới được mở rộng lớn nhất từ trước tới nay (khoảng 5 năm trở lại đây); tuy nhiên, đây cũng là năm có diện tích phá gốc không trồng lại khá lớn. Nguyên nhân cơ bản của việc phá gốc không trồng lại là do:

- Mía hết chu kỳ phải phá gốc trồng lại nhưng vì thu hoạch muộn, đất đòi gò, không đủ độ ẩm để trồng lại; một số diện tích hết chu kỳ, nông dân phá bỏ mía để luân canh cây trồng.
- Vụ 2017-2018 giá đường thấp, giá mía giảm 120.000 đ/tấn 10 CCS so với vụ 2016-2017, thu nhập của bà con nông dân thấp, có hệ quả dẫn đến bà con nông dân không muốn

trồng mía. Mặt khác, tại thời điểm bà con nông dân phá mía hết chu kỳ thì giá Mỳ lên cao (2.500-3.000đ/kg) nên bà con nông dân đã chuyển sang trồng Mỳ.

- Một số diện tích ở phường Thống Nhất, TP Kon Tum thuộc diện đền bù để xây dựng Công trình của Tỉnh nên sau khi thu hoạch mía bà con nông dân phải phá để giao đất.
- Đất của bà nông dân nhỏ lẻ, manh mún, chênh lệch thu nhập giữa cây Mía so với cây Mỳ trên thửa ruộng không đáng kể, trong khi đó trồng Mỳ đơn giản hơn trồng Mía nên các hộ nhỏ lẻ không muốn chuyển sang trồng mía.

Công tác thu hồi nợ đầu tư

- Tổng số nợ phải thu theo KH vụ 2017-2018: 7.765.359.309 đồng.
- Tổng số nợ thu được vụ 2017-2018 (đến thời điểm 30/6/2018): 9.851.906.668 đồng; vượt 17,2 % (chưa tính phần thu lãi suất), nguyên nhân là có 1 số trường hợp hộ dân trả nợ trước kế hoạch.
- Nợ phải thu không thu đủ kế hoạch vụ này là: 34.724.121 đồng, chiếm tỷ lệ 0,5% trên tổng vốn đầu tư, nguyên nhân chủ yếu là do dân chăm sóc kém, năng suất thấp, sản lượng

không đủ để trả nợ Công ty

- Nợ quá hạn của các vụ trước chuyển qua, thu được trong vụ này là: 93.332.522 đồng.
- Tổng số nợ quá hạn đến thời điểm 30/6/2018 là 207.443.336 đồng.

Công tác thu hồi nợ vụ này thực hiện khá tốt, nợ quá hạn còn lại không đáng kể và đã được trích lập dự phòng theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 2017 - 2018

Kết quả SXKD so với kế hoạch niên vụ 2017 – 2018:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2017-2018	Thực hiện 2017-2018	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	288.660	171.499,78	59,41
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	280.000	164.874,68	58,88
3	Sản lượng đường SX	Tấn	35.000	16.669,32	47,63
4	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	35.000	22.024,71	62,93
5	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.573.049	507.654	32,27
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	28.471	10.225	35,91
	Trong đó:				
	- Hoạt động SX chế biến đường	Tr.đồng	24.138	8.054	33,37
	- Hoạt động KD thương mại	Tr.đồng	4.333	2.171	50,10
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	27.604	8.986	32,55

Phần lớn các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tài chính năm 2017-2018 đều không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản là do:

- Năm 2018 là năm Việt Nam thực hiện cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đối với mặt hàng Đường, xóa bỏ hàng rào thuế quan trong khối ASEAN, dẫn đến Đường ngoại nhập nhiều với giá rẻ. Tuy tháng 6/2018 Thủ tướng chính phủ đã gia hạn thời gian thực hiện các cam kết nói trên đến 31/12/2019 nhưng do ảnh hưởng tâm lý, cộng với lượng đường nhập lậu tràn lan làm cho Đường sản xuất trong nước không thể cạnh tranh nổi; giá Đường hạ thấp so với niên độ 2016-2017 (B/q giảm 3.433đ/kg –chưa VAT) và so với Kế hoạch (B/q giảm 725đ/kg chưa VAT) là nguyên nhân chủ yếu làm giảm lợi nhuận của Công ty.
- Năm 2017 Công ty đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500 TMN, nhưng do một số nhà thầu nước ngoài giao hàng chậm dẫn đến thời gian vào vụ sản xuất muộn. Mặt khác do giá đường giảm sâu, đặc biệt thời gian cuối vụ, giá thành cao hơn giá bán, nên sau khi thu mua hết mía đầu tư

trong vùng, mặc dù mía ngoài vùng vẫn còn nhưng chất lượng kém, Công ty đã quyết định ngừng sản xuất, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến chỉ tiêu sản lượng mía thu mua, sản lượng đường sản xuất năm 2017-2018 giảm so với Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Tuy nhiên nếu Công ty tiếp tục sản xuất, sản lượng mía, sản lượng đường tăng thêm nhưng lợi nhuận sẽ giảm so với kết quả nói trên.

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành mía đường, nhiều doanh nghiệp thua lỗ buộc phải đóng cửa, dừng sản xuất, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần đường Kon Tum đã nỗ lực, nhạy bén trong công tác quản trị và điều hành, căn cứ vào tình hình tiêu thụ Đường trên thị trường để quyết định thời gian sản xuất, điều hành nhịp nhàng việc mua mía trong vùng và ngoài vùng, lựa chọn thời điểm mua hợp lý, phương thức thu mua linh hoạt, giảm lượng mía tồn sân, giữ được chữ lượng đường trong mía, tiết giảm các khoản chi phí đến mức tối đa nên vụ 2017-2018 Công ty vẫn đạt được lợi nhuận sau thuế là 8.986 triệu đồng.

Công tác vận chuyển mía nguyên liệu

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017-2018	Thực hiện 2017 -2018	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	Sản lượng mía đưa vào ép	Tấn	288.660	171.499,78	59,41%
2	Trọng lượng mía sạch	Tấn	280.000	164.874,68	58,88%
3	Đường thành phẩm	Tấn	35.000	16.669,32	47,63%
4	Mật rỉ	Tấn	11.357	10.042	88,42%
5	Bã bùn	Tấn	11.900	8.069.000	67,81%

Phần lớn các chỉ tiêu sản xuất chế luyện thực hiện vụ 2017-2018 đều không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản như đã phân tích ở mục I nói trên, ngoài ra do:

- Hệ thống máy móc thiết bị chưa đồng bộ, công nhân chưa tiếp cận kịp thời với thiết bị mới phần nào đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất chế biến, do trong năm Công ty có đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc.

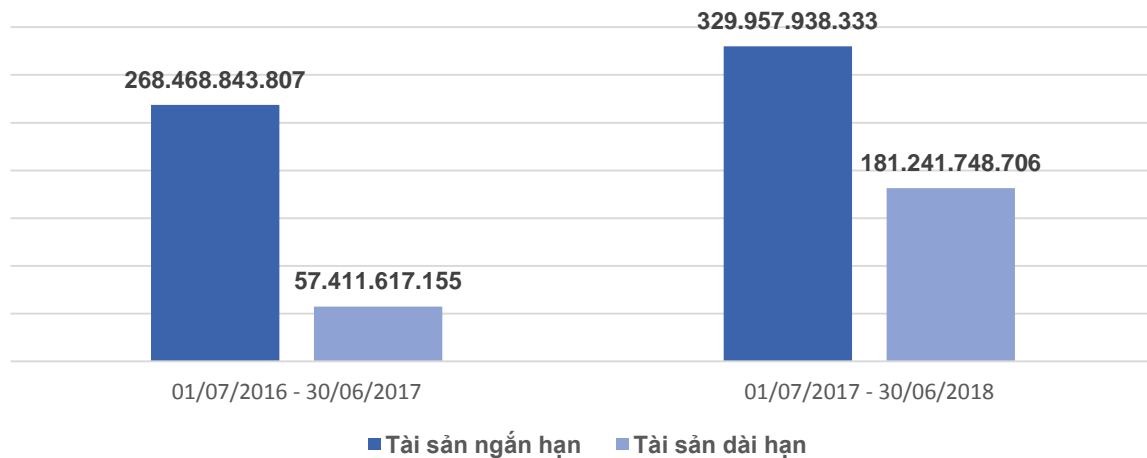
- Giai đoạn cuối vụ, mía nguyên liệu không đủ để cung cấp cho dây chuyền sản xuất nên phải ép mỏng hoặc dừng để gom mía; dừng nghỉ chờ mía, khởi động dây chuyền, lên xuống máy nhiều lần làm ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất chế biến.



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	01/07/2016 - 30/06/2017	01/07/2017 - 30/06/2018	% thay đổi
Tài sản ngắn hạn	268.468.843.807	329.957.938.333	122,90%
Tài sản dài hạn	57.411.617.155	181.241.748.706	315,69%
Tổng tài sản	325.880.460.962	511.199.687.039	156,87%



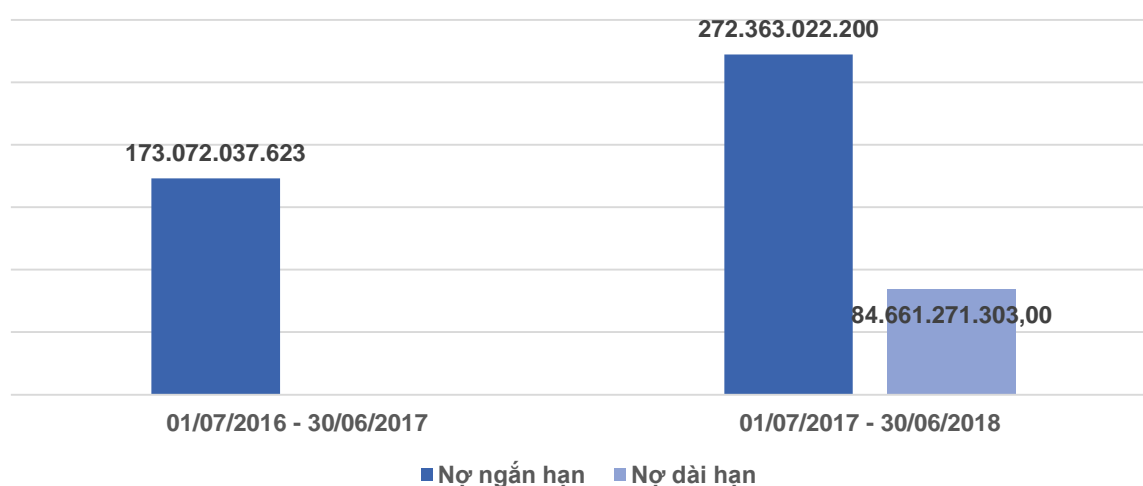
Trong niên độ 2017/2018, tình hình tổng tài sản của Công ty đạt 511.200 triệu đồng, tăng 156,87% so với niên vụ 2016/2017. Nguyên nhân là do tài sản ngắn và dài hạn của Công ty đồng loạt tăng trưởng mạnh trong năm. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt gần 329.958 triệu đồng, tăng 122,90% so với cùng kỳ năm trước do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, tăng 59,13%, đạt 182.701 triệu đồng so với cùng kỳ niên vụ trước. Khoản phải thu này tập trung các một số đối tác lớn, có uy tín lâu năm trong ngành nên công tác công nợ luôn được đảm bảo. Ngoài ra, khoản trả trước cho người bán tại thời điểm cuối niên độ tăng 271,8% so với niên độ trước cũng là nguyên nhân dẫn đến tổng tài sản của Công ty tăng mạnh so với đầu niên độ.

Ngoài ra, trong niên độ này Công ty thực hiện chính sách sửa chữa, bảo trì, nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị từ 1.800TMN lên 2.500 TMH nên đã làm cho chi phí xây dựng dở dang có xu hướng tăng mạnh đạt 125.447 triệu đồng. Điều này đã làm cho tài sản dài hạn trong năm của Công ty đạt hơn 181.242 triệu đồng, tăng 315,69% so với cùng kỳ niên độ 2016/2017.

Tuy hoạt động trong năm còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực và nhạy bén với tình hình thị trường Ban điều hành đã đưa ra các chính sách và kế hoạch hoạt động đúng đắn, kịp thời. Điều này đã giúp tình hình của Công ty duy trì hoạt động ổn định.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	01/07/2016 - 30/06/2017	01/07/2017 - 30/06/2018	% thay đổi
Nợ ngắn hạn	173.072.037.623	272.363.022.200	157,37%
Nợ dài hạn	0	84.661.271.303	-
Tổng nợ phải trả	173.072.037.623	357.024.293.503	206,29%



Tổng nợ phải trả tại ngày 30/06/2018 là 357.024 triệu đồng, tăng 206,29% so với cùng kỳ niên độ trước, ở cả hai khoản mục là nợ ngắn hạn và dài hạn. Cụ thể, khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 là 272.363 triệu đồng, tăng 157,37% so với cùng kỳ năm trước nhằm phục vụ chủ yếu cho nhu cầu vốn lưu động trong năm. Bên cạnh đó, trong năm Công ty còn thực hiện vay dài hạn là 84.661 triệu đồng dùng để đầu tư sửa chữa, bảo trì và nâng cấp hệ thống dây truyền sản xuất từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN. Đây là một trong những hạn mục nhằm đáp ứng quy chuẩn hoạt động của Nhà nước, cùng như nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty

trong thời gian sắp tới.

Bên cạnh đó, khoản phải trả cho người bán ngắn hạn là gần 32.997 triệu đồng, tăng 3,3 lần so với cùng kỳ niên độ 2016/2017, chủ yếu là do Công ty nợ nhà cung cấp và người bán mía nguyên liệu bởi tiến độ thực hiện dự án đầu tư nâng cấp công suất nhà máy chậm dẫn đến vào mùa chậm, đồng thời, ảnh hưởng đến thời gian giao hàng cho đối tác.

Để giải quyết tình trạng trên, Ban điều hành đã có chính sách và kế hoạch phù hợp nhằm duy trì hoạt động và kế hoạch đề ra đầu năm của Công ty.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tu bổ sửa chữa máy móc thiết bị

Năm 2017-2018, Nhà máy thực hiện dự án nâng công suất từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN nên công việc sửa Tu bổ chữa máy móc thiết bị thực hiện ít hơn so với các năm. Các loại máy móc thiết bị thuộc phần việc sửa chữa tu bổ được Ban Điều hành triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng theo kế hoạch và yêu cầu của HĐQT, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.



Công tác tiêu thụ sản phẩm

Tình hình tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, do giá cả phải cạnh tranh với sản phẩm ngoại nhập. Giá bán thực tế thấp hơn nhiều so với giá kế hoạch dẫn đến doanh thu, lợi nhuận thấp, các chỉ tiêu kinh doanh tài chính không đạt theo kế hoạch đề ra (chi tiết thể hiện ở phần I). Tuy nhiên đến thời điểm 30/6/2018 Công ty đã giải phóng hết toàn bộ sản lượng đường sản xuất trong vụ.

Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Vụ 2017-2018, Công ty tiếp tục kiện toàn về cơ cấu tổ chức quản lý điều hành nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.
- Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động.
- Thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.



Công tác tài chính

Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến để đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018-2019
1. Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	230.000
2. Sản lượng mía sạch	Tấn	220.550
3. Sản lượng đường sản xuất	Tấn	23.000
4. Sản lượng đường tiêu thụ (đường SX)	Tấn	23.000
5. Tổng doanh thu (bao gồm KDTM)	Tr. đồng	763.539
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	7.597
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	6.644

Một số giải pháp thực hiện

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, đồng thời định hướng phát triển bền vững cho Công ty trong những năm tiếp theo, Ban Điều hành đề ra một số giải pháp trình ĐHCĐ, cụ thể như sau:

Về công tác Nguyên liệu:

Với mục tiêu phát triển mở rộng diện tích mía trong vùng từ nay đến năm 2020 đạt 3.250 ha và hướng đến năm 2030 đạt 4.000 ha theo quy hoạch của UBND tỉnh Kon Tum, Công ty cần tập trung một số vấn đề cơ bản đối với vùng Nguyên liệu như sau:

- Tiếp tục ban hành các chính sách đầu tư phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân gắn bó lâu dài với cây mía để ổn định phát triển vùng nguyên liệu.
- Cơ cấu lại chất lượng giống cho phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu trong địa bàn tỉnh KonTum; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất mía đạt ≥ 80 tấn/ha và chữ đường bình quân đạt ≥ 10 CCS, nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng mía, để họ gắn bó với cây mía.
- Tổ chức thu mua, đốn chặt và đánh giá chữ đường một cách công khai, minh bạch, tạo niềm tin cho người nông dân trồng mía.



Khối sản xuất chế biến Đường:

- Tiếp tục hoàn thiện Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN đưa vào vận hành vụ sản xuất 2018-2019; áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, các chỉ tiêu pol bùn, pol bã, AP mật rỉ, tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền để nâng cao hiệu suất thu hồi.



Khối phòng ban nghiệp vụ, phục vụ:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở lập kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Lắng nghe ý kiến kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, phục vụ tốt hơn cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý, điều hành, rà soát định biên, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.
- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về Môi trường theo quy định.



- ❖ **Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty**
- ❖ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**
- ❖ **Kế hoạch và định hướng phát triển của Công ty**



“

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

”



Tình hình chung của Hội đồng quản trị

Năm 2017-2018 số lượng thành viên Hội đồng quản trị cơ bản ổn định; đến tháng 4/2018, Ông Nguyễn Thắng – thành viên Hội đồng quản trị có Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị đồng ý. Như vậy, từ tháng 4/2018 đến nay Hội đồng quản trị chính thức có 04 thành viên tham gia hoạt động, trong đó có 02 thành viên thường trực tại Công ty.

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 và tình hình thực tế của Công ty, sau ĐHĐCĐ thường niên 2017 Hội đồng Quản trị đã tổ chức cuộc họp và ban hành các Nghị quyết, Quyết định để tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành tập trung củng cố, kiện toàn công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty; triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 đề ra.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để hoạch định chiến lược và đưa ra các phương án hoạt động của Công ty một cách kịp thời và hiệu quả. Cụ thể là:
- Tiếp tục làm việc với Tỉnh ủy, UBND tỉnh Kon Tum và các ban ngành, địa phương về chính sách đầu tư và công tác quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Kết quả là ngày 07/11/2017 UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 1189/QĐ-UBND về việc quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum, với mục tiêu đến năm 2020 đạt 3.250 ha, đến năm 2030 đạt 4.000 ha.
- Chỉ đạo Ban Điều hành, Ban Quản lý dự án triển khai thực hiện kịp thời dự án nâng

công suất Nhà máy từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN, đảm bảo thủ tục đầu tư đúng theo quy định của Nhà nước và Quy chế của Công ty.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo kiện toàn lại căn bản về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty đảm bảo tinh gọn và hiệu quả. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật được chú trọng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng cán bộ, đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Công ty trong tình hình hiện tại và tương lai.

HĐQT tiếp tục bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Công ty và mang lại hiệu quả cao trong quá trình quản trị điều hành.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BTGD

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD do ĐHĐCĐ đề ra.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2017-2018	Thực hiện năm 2017-2018	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	288.660	171.499,78	59,41
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	280.000	164.874,68	58,88
3	Sản lượng đường SX	Tấn	35.000	16.669,32	47,63
4	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	35.000	22.024,71	62,93
5	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.573.049	507.654	32,27
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	28.471	10.225	35,91
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	27.604	8.986	32,55

Năm 2017-2018, do tác động của thị trường mía đường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum gặp không ít khó khăn, song nhờ sự quan tâm sâu sát của HĐQT, sự linh hoạt, nhạy bén của Ban điều hành, đã giúp cho hoạt động SXKD của Công ty vượt qua được khó khăn, thách thức, bảo toàn được vốn và có lãi, tuy không đạt so với Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.



VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ THU MUA NGUYÊN LIỆU

Công tác đầu tư phát triển:

- Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp. Tuy nhiên diện tích tăng lên hàng năm không đáng kể, chưa đáp ứng được Công suất của Nhà máy.
- Vụ 2017-2018, tuy sản lượng mía Công ty đầu tư trong vùng còn ít, nhưng do nhân được một số giống mía mới nên năng suất và chữ đường tăng lên đáng kể. Năng suất B/q đạt 72,5 tấn/ha (tăng 7,3 tấn/ha so với vụ 2016-2017); chữ đường đạt 9,1 CCS (tăng 0,26 CCS so với vụ 2016-2017).
- Vụ 2017-2018, Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho bà con nông dân để phát triển vùng mía nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum từng bước đáp ứng cho công suất của Nhà máy (tổng số tiền hỗ trợ không thu hồi vụ 2017-2018: 4.371.540.310 đồng).

Nhìn chung chính sách hỗ trợ của Công ty phần nào đã tác động tích cực đến việc phát triển diện tích và tăng năng suất, chất lượng của mía nguyên liệu trên địa bàn Kon Tum, song vẫn đảm bảo giá mía nguyên liệu trong vùng (bao gồm cả chi phí hỗ trợ) thấp hơn ngoài vùng tối thiểu 50.000 đồng/tấn 10 CCS tại bàn cân.

Công tác thu mua vận chuyển

Nguyên liệu:

- Công tác thu mua vận chuyển mía trong vùng từng bước được cải tiến, đáp ứng kịp thời với năng lực đồn chặt của bà con nông dân; không có tình trạng mía để khô trên ruộng quá thời gian quy định; bà con nông dân không có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện gì về công tác thu mua, vận chuyển.
- Mía ngoài vùng thu mua không đạt so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do: Nhà máy vào vụ muộn; công suất Nhà máy không đạt so với kế hoạch ban đầu đề ra; áp lực thu mua mía đầu tư trong vùng lớn nên phải chờ thu mua hết mía trong vùng sau đó mới mua mía ngoài vùng dẫn đến sản lượng không đạt.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến một cách khoa học, đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Các thông tin, báo cáo về tài chính được thực hiện kịp thời, đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các thủ tục về mua, bán, thanh, quyết toán được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật.

Công tác sản xuất chế biến đường

TT	Một số chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch vụ 2017-2018	Thực hiện vụ 2017-2018	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Trọng lượng mía thô đưa vào ép	tấn	288.660	171.499,78	59,41%
2	Trọng lượng mía sạch	tấn	280.000	164.874,68	58,88%
3	Trọng lượng đường TP nhập kho	tấn	35.000	16.104,20	47,63%
4	Trọng lượng đường C thương phẩm nhập kho	tấn		565,12	
5	Hiệu suất tổng thu hồi	%	88,84	85,39	-

Nhìn chung các chỉ tiêu sản xuất chế biến niên vụ 2017/2018 không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do giá đường giảm sâu, đặc biệt là thời gian cuối vụ, giá thành cao hơn giá bán, nếu tiếp tục sản xuất thì sẽ bị lỗ nên Công ty chủ động dừng sản xuất khi mía ngoài vùng vẫn còn. Mặt khác, do nhà thầu nước ngoài giao hàng trễ, tiến độ thực hiện dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy từ 1.800TMN lên 2.500TMN chậm dẫn đến vào vụ muộn; một số thiết bị mới kết nối với thiết bị cũ chưa thực sự đồng bộ gây ảnh hưởng đến dây chuyền công nghệ, mặt khác công nhân vận hành dây chuyền mới còn nhiều lúng túng, chưa thành thạo nên cũng gây nên một vài sự cố.

Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương, nhằm đảm bảo bộ máy tổ chức hoạt động tinh gọn, năng động; nâng cao năng suất, chất lượng lao động, từng bước ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Các chế độ chính sách của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm đúng mức. Không để xảy ra tình trạng cháy nổ hoặc mất an toàn, vệ sinh lao động của Công ty.
- Cán bộ công nhân viên Công ty chấp hành nghiêm nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật Nhà nước.

Về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và công tác tổ chức Điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc

Quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị một cách quyết liệt và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được qui định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật. Nội dung chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc luôn tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Mối quan hệ với các cổ đông

- Hội đồng Quản trị thường xuyên báo cáo, trao đổi, bàn bạc với cổ đông lớn về những chủ trương, chính sách lớn của Công ty để có những quyết sách đúng đắn trong quá trình quản trị điều hành. Thường xuyên có sự trao đổi nắm bắt thông tin về giá cả, thị trường tiêu thụ sản phẩm tại từng thời điểm đối với các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược để hoạt động kinh doanh thương mại đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện nghiêm túc việc mua bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty theo đúng quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và Công ty.
- Các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như kinh nghiệm đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp tốt trong quá trình triển khai các công việc giữa Hội đồng Quản trị với BCH Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, các Nghị quyết, Kế hoạch của Công ty để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí để các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD có hiệu quả.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018

Tình hình chung trong nhiệm kỳ 2013 – 2018

- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đường Kon Tum nhiệm kỳ 2013-2018 có 05 thành viên. Trong nhiệm kỳ qua thành viên HĐQT có sự thay đổi đáng kể do Nhà nước thoái hết vốn tại Công ty vào năm 2015. Từ năm 2015 đến tháng 3/2018 HĐQT có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên kiêm nhiệm việc điều hành tại Công ty; đến tháng 4/2018 có 01 thành viên xin thôi việc nên không tham gia HĐQT.
- Quá trình lãnh đạo, điều hành Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, có Ban Kiểm soát tham gia, được tiến hành hàng quý,

thảo luận những vấn đề của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty.

- Định kỳ hoặc bất thường HĐQT tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ 2013 - 2018

Về công tác tổ chức, quản trị Công ty.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị; trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, trong nhiệm kỳ qua HĐQT đã thường xuyên tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường theo quy định, thường xuyên bám sát tình hình thực tế của Công ty để kịp thời đưa ra các Nghị quyết, quyết sách nhằm lãnh đạo chỉ đạo Ban Điều hành điều hành triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất, theo đúng định hướng phát triển của Công ty.
- Sau khi Nhà nước thoái hết Vốn tại Công ty, Hội đồng Quản trị đã tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty theo

hướng chuyên nghiệp; tổ chức sắp xếp, bố trí lại lao động đảm bảo phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật, ngành nghề đào tạo đáp ứng với yêu cầu công việc được giao. Đến nay công tác tổ chức cán bộ của Công ty cơ bản đã được cơ cấu, sắp xếp một cách khoa học, hợp lý ngang tầm với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Hội đồng quản trị kịp thời ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện công tác quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với sở trường, năng lực công tác của từng thành viên để hoạt động của HĐQT đạt hiệu quả cao nhất.

Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2013 – 2018:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	Năm 2016 - 2017	Năm 2017-2018
Sản lượng mía sạch đưa vào SX	Tấn	182.014	143.431	168.922	130.705	205.281,7	164.874,7
Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	19.357	15.125	17.893	14.036,8	21.376,6	16.669,3
Tổng doanh thu	Triệu đồng	295.479	190.855	292.951	201.039	294.571	507.654
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	17.753	(3.266)	23.108	33.291	43.711	10.225
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	13.194	(3.278)	22.991	33.054	42.380	8.986
Tỷ lệ chia cổ tức	%VĐL	35	15	40	40	0	Chờ ĐH quyết định
Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	127.681	115.093	129.583	139.912	152.808	154.175

Nhiệm kỳ 2013-2018 tình hình kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp, thị trường Đường biến động khó lường và có chiều hướng giảm đáng kể, đặc biệt là giai đoạn cuối nhiệm kỳ, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên sâu sát chỉ đạo, Ban Điều hành linh động, nhạy bén trong việc nắm bắt thị trường để tiêu thụ sản phẩm một cách nhanh chóng và sát với giá cả thị trường; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các khách hàng lớn để đánh giá, nhận định tình hình thị trường trong việc

tiêu thụ sản phẩm. Nhờ vậy, trong nhiệm kỳ qua cơ bản sản phẩm của Công ty được tiêu thụ đúng theo kế hoạch hạn chế tình trạng sản phẩm tồn kho trước khi vào vụ mới. Hoạt động SXKD hàng năm của Công ty vẫn đảm bảo có lãi và chi trả cổ tức cho cổ đông

Việc làm của CBCNV-LĐ từng bước được ổn định, thu nhập luôn đảm bảo năm sau cao hơn năm trước; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Kế hoạch trong niên độ 2018 - 2019

- Theo tổ chức Mía đường Quốc tế (ISO) cảnh báo, thị trường không nên quá kỳ vọng giá đường sẽ tăng trở lại; Đồng thời ISO cũng dự đoán tình trạng dư thừa sản lượng đường thậm chí còn kéo dài đến vụ mùa 2018-2019 (giai đoạn 10/2018 đến 9/2019).
- Tình hình chống buôn lậu vẫn chưa được thực hiện triệt để. Vì vậy, các Doanh nghiệp Mía Đường Việt Nam phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm mới hy vọng tồn tại được từ thời điểm 2019 và các năm tiếp theo.
- Đối với Công ty cổ phần Đường Kon Tum có thể nói đây là giai đoạn hết sức khó khăn khi vùng nguyên liệu tại Tỉnh nhà Kon Tum quá hạn hẹp và phải cạnh tranh khốc liệt với các loại cây trồng khác; Mặt khác các khoản chi phí khấu hao và lãi suất tiền vay của dự án nâng công suất Nhà máy đã tác động rất lớn đến giá thành sản phẩm của Công ty.

Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định, vượt qua giai đoạn khó khăn, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2018-2019, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018-2019
1. Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	230.000
2. Sản lượng mía sạch	Tấn	220.550
3. Sản lượng đường sản xuất	Tấn	23.000
4. Sản lượng đường tiêu thụ (tự sản xuất)	Tấn	23.000
5. Tổng doanh thu (bao gồm KDTM)	Tr. đồng	763.539
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	7.597
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	6.644

Định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2018 - 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021 - 2022	Năm 2022-2023
Sản lượng mía sạch đưa vào SX	Tấn	220.500	250.000	270.000	300.000	320.000
Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	23.000	26.300	28.400	31.500	33.700
Tổng doanh thu	Triệu đồng	763.539	800.000	950.000	1.100.000	1.200.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	7.597	10.000	12.000	15.000	18.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	6.644	9.000	11.000	14.000	16.500
Tỷ lệ chia cổ tức	% VDL	10	15	15	15	20


Một số giải pháp thực hiện

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả hơn để phát triển vùng nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy hoạch của UBND tỉnh Kon Tum.
- Tăng cường việc nghiên cứu, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thay thế triệt để các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất để nâng cao thu nhập cho người trồng mía, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hạ giá thành sản phẩm.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi nợ đầu tư Nguyên liệu nhằm bảo toàn vốn cho Công ty và đảm bảo sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.
- Tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp của các quy trình và quy chế, đảm bảo an toàn trong các mặt hoạt động.





- Tiếp tục hoàn thiện dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường 2.500 TMN để đưa vào hoạt động ổn định nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất chế biến, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu về môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định của Nhà nước.
- Tập trung cơ cấu, cân đối lại nguồn lực tài chính để nâng cao năng lực hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực công nghệ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, mở rộng thị trường, xây dựng khách hàng truyền thống để đảm bảo mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.
- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

- 
- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS



“

QUẢN TRỊ CÔNG TY

”

Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	Bắt đầu từ 03/07/2015	4	100%	
2	Ông Lê Hồng Thái	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Bắt đầu từ 03/07/2015	4	100%	
3	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	Bắt đầu từ 03/07/2015	4	100%	
4	Ông Nguyễn Thắng	Thành viên HĐQT	Bắt đầu từ 12/04/2016	3	75%	Có đơn xin từ nhiệm ngày 11/04/2018
5	Ông Nguyễn Sỹ Hà	Thành viên HĐQT	Bắt đầu từ 12/04/2016	4	100%	

Các hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng Quản trị; Khi cần thiết Hội đồng Quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng Quản trị.

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2017/2018

Trong niên độ 2017-2018 Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 vào ngày 25/09/2017, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 vào ngày 27/02/2018 và Đại hội ban hành Nghị quyết. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	NQ-ĐHĐCĐTN 2017	25/09/2017	Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017.
2	NQ-ĐHĐCĐBT 2017	27/02/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 về việc điều chỉnh Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 không chia cổ tức niên độ 2016 - 2017

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT năm 2017/2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	51/QĐ-HĐQT	16/07/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu các gói thầu của Dự án NCS lên 2500 TMN.
2.	52/QĐ-HĐQT	19/07/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu các gói thầu của Dự án NCS lên 2500 TMN
3.	53/QĐ-HĐQT	01/08/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu các gói thầu của Dự án NCS lên 2500 TMN.
4.	54/QĐ-HĐQT	10/08/2017	Nghị quyết họp HĐQT thường kỳ.
5.	55/QĐ-HĐQT	14/08/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc Dự án NCS lên 2500 TMN.
6.	56/QĐ-HĐQT	14/08/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc Dự án NCS lên 2500 TMN.
7.	59/QĐ-HĐQT	23/08/2017	Quyết định phê duyệt Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
8.	60/QĐ-HĐQT	23/08/2017	Quyết định phê duyệt chủ trương thành lập trạm Đầu tư Phát triển vùng nguyên liệu xã Đăk Trâm.
9.	61/QĐ-HĐQT	24/08/2017	Quyết định phê duyệt chính sách Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu vụ 2017-2018.
10.	62/QĐ-HĐQT	25/08/2017	Quyết định phê duyệt Dự toán kinh phí sửa chữa lớn năm 2017.
11.	62A/NQ-HĐQT	25/08/2017	Nghị quyết thông qua vay vốn Ngân hàng .
12.	63/QĐ-HĐQT	01/09/2017	Quyết định Bổ nhiệm chức danh Trưởng Phòng NL&QLĐTNL.
13.	67/QĐ-HĐQT	20/09/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu thực hiện các Gói thầu thuộc Dự án NCS lên 2500 TMN.
14.	69/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Quyết định phê duyệt đơn giá tiền lương vụ 2017-2018.
15.	70/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu thực hiện các Gói thầu thuộc Dự án NCS lên 2500 TMN.
16.	71/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu thực hiện các Gói thầu thuộc Dự án NCS lên 2500 TMN.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
17.	73/NQ-HĐQT	10/10/2017	Nghị quyết HĐQT thông qua thay đổi ngành nghề kinh doanh.
18.	74/QĐ-HĐQT	24/10/2017	Quyết định ban hành Điều lệ và tổ chức hoạt động của công ty cổ phần Đường Kon Tum, sửa đổi, bổ sung theo NQĐHĐCĐTN 2017.
19.	75/QĐ-HĐQT	24/10/2017	Quyết định về việc Chủ tịch HĐQT ủy quyền Tổng Giám đốc ký các hợp đồng tín dụng.
20.	76B/QĐ-HĐQT	31/10/2017	Quyết định phê duyệt thanh lý TSCĐ .
21.	78/QĐ-HĐQT	03/11/2017	Quyết định phê duyệt về việc lựa chọn nhà thầu gói vận chuyển mía Nguyên liệu vụ 2017-2018.
22.	80/NQ-HĐQT	11/11/2017	Nghị quyết thông qua việc vay vốn ngân hàng phục vụ dự án nâng công suất nhà máy lên 2500 TMN.
23.	82/QĐ-HĐQT	06/12/2017	Quyết định phê duyệt giá bán các phụ phẩm vụ 2017-2018.
24.	84/NQ-HĐQT	22/12/2017	Nghị quyết HĐQT thông qua không chi trả cổ tức năm tài chính 2016-2017.
25.	85/QĐ-HĐQT	25/12/2017	Quyết định phê duyệt giá mua mía trong vùng và ngoài vùng vụ 2017-2018.
26.	87/QĐ-HĐQT	26/12/2017	Quyết định phê duyệt về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không chi trả cổ tức năm tài chính 2016-2017.
27.	01/QĐ-HĐQT	02/01/2018	Quyết định bổ nhiệm Quản đốc Cơ + Nhiệt + Điện
28.	06A/QĐ-HĐQT	30/01/2018	Quyết định phê duyệt giá bán đường vụ 2017 - 2018
29.	07A/QĐ-HĐQT	05/02/2018	Quyết định phê duyệt giá bán đường vụ 2017 - 2018
30.	08/QĐ-HĐQT	02/03/2018	Quyết định phê duyệt phụ cấp đi lại và tiền điện thoại cho kế toán trưởng Công ty
31.	14/QĐ-HĐQT	22/03/2018	Quyết định phê duyệt xóa nợ đầu tư vùng nguyên liệu không có khả năng thu hồi
32.	16/QĐ-HĐQT	29/03/2018	Quyết định phê duyệt giá mua mía ngoài vùng để đạt sản lượng 20.000 – 25.000 tấn đường cho cả vụ 2017 - 2018
33.	17/QĐ-HĐQT	11/04/2018	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc điều hành sản xuất

Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng Ban	Bắt đầu từ ngày 03/07/2015	4	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bắt đầu từ ngày 03/07/2015	4	100%	
3	Ô. Nguyễn Đức Cần	Thành viên	Bắt đầu từ ngày 12/04/2016	4	100%	

Niên độ 2017/2018 và nhiệm kỳ 2013 – 2018

Ban kiểm soát đã thực hiện những công việc sau đây:

Năm 2017-2018 và nhiệm kỳ 2013 -2018 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (BTGD) và hoạt động SXKD của Công ty;
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Kiểm tra, soát xét việc sửa đổi, ban hành các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty, việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Kiểm tra, rà soát các đối tượng nợ khó đòi vùng nguyên liệu, đề xuất HĐQT, BĐH các giải pháp thu hồi và trực tiếp tham gia việc khởi kiện, thu nợ một số đối tượng.
- Kiểm tra, soát xét công tác đầu tư, SCL hàng năm, việc thực hiện Dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường từ

1.800TMN lên 2.500TMN.

- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán.
- Nhiệm kỳ 2013-2018, BKS đã tổ chức kiểm tra hoạt động của Công ty ít nhất 2 lần/năm, họp định kỳ 3 lần/năm để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động;

Nhiệm kỳ 2013-2018, BKS đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Thông qua qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành (BĐH) về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty trong nhiệm kỳ 2013 -2018.

Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành năm 2017 – 2018 và nhiệm kỳ 2013 – 2018:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, luôn bám sát tình hình thực tế để đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao.
- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định của pháp luật, tổ chức các cuộc họp đột xuất và thông qua nhiều quyết định quan trọng bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương, giải pháp và chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty: Tiếp tục kiện toàn lại cơ cấu tổ chức bộ máy, định biên lao động theo hướng tinh giảm để nâng cao hiệu quả công tác, ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ vùng nguyên liệu để tăng diện tích trồng mới, Đầu tư Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN.
- Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, công tác quản lý và công bố thông tin cũng như trong các giao dịch.
- Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Ban điều hành đã chủ động, linh hoạt triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong công tác điều hành hoạt động SXKD như: Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu phù hợp, thay đổi các loại giống mới để nâng cao năng suất và chữ đường, quyết định kịp thời giá mua nguyên liệu đầu vào, giá bán sản phẩm đầu ra (trong khung giá đã được HĐQT phê duyệt), lựa chọn thời điểm mua, bán thích hợp, tiết giảm chi phí để nâng cao kết quả hoạt động SXKD của Công ty.
- Ban điều hành đã tích cực làm việc với chính quyền địa phương đặc biệt là Tỉnh ủy, UBND tỉnh Kon Tum về việc phát triển vùng nguyên liệu vì vậy ngày 07/11/2017 UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 1189/QĐ-UBND quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum, với mục tiêu đến năm 2020 đạt 3.250 ha, đến năm 2030 đạt 4.000 ha.

Tóm lại, nhiệm kỳ 2013 -2018 HĐQT, BĐH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng định hướng của nhiệm kỳ và mục tiêu hàng năm, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong niên độ 2017 - 2018, Ban kiểm soát luôn nhận được sự hợp tác tích cực của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời TBKS tham gia, các chủ trương lớn, các quyết định quan trọng BĐH đều gửi tài liệu cho BKS. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, BĐH tiếp thu và ghi nhận.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương công việc	Thù lao HĐQT, BKS	Thưởng
1	Hội đồng quản trị	368.861.063	641.933.333	88.155.555
1.1	Đặng Việt Anh		195.000.000	5.555.555
1.2	Lê Hồng Thái	156.146.553	156.000.000	26.700.000
1.3	Trần Ngọc Hiếu		104.000.000	10.000.000
1.4	Nguyễn Thắng	110.023.941	82.933.333	28.200.000
1.5	Nguyễn Sỹ Hà	102.690.569	104.000.000	17.700.000
2	Ban kiểm soát	102.363.446	208.000.000	25.588.888
2.1	Trần Thị Nhi		104.000.000	5.555.555
2.2	Nguyễn Thị Thủy		52.000.000	3.333.333
2.3	Nguyễn Đức Cần	102.363.446	52.000.000	16.700.000
3	Ban điều hành	390.400.935	238.933.333	84.400.000
3.1	Lê Hồng Thái	156.146.553	156.000.000	26.700.000
3.2	Nguyễn Thắng	110.023.941	82.933.333	28.200.000
3.3	Hồ Minh Tường	124.230.441		29.500.000

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng	7.126	Bán	7.000	126	13/07/2017-11/08/2017
2	Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng	126	Mua	6.500	6.626	29/03/2018-26/04/2018
3	Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng	6.626	Mua	1.000	7.626	25/05/2018 - 22/06/2018

A close-up photograph of a green plant stem, likely a young onion or similar vegetable. The stem is upright and has several green leaves extending from the top. At the base of the stem, there is a distinct purple and brown lesion, which is a common sign of bacterial rot or other plant diseases. The background is blurred, showing what appears to be a wooden surface and some other greenery.

❖ Ý kiến kiểm toán

❖ Báo cáo tài chính được kiểm toán



“

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

”

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, tp. Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 6100228104), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2015.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

Công ty có trụ sở tại km2 thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|----------------------|--------------|---|
| - Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch | |
| - Ông Lê Hồng Thái | Phó Chủ tịch | |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Ủy viên | |
| - Ông Nguyễn Thắng | Ủy viên | <i>Đã có đơn xin từ nhiệm ngày 11/04/2018</i> |
| - Ông Nguyễn Sỹ Hà | Ủy viên | |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|---------------------|-------------------|--|
| - Ông Lê Hồng Thái | Tổng Giám đốc | |
| - Ông Nguyễn Thắng | Phó Tổng Giám đốc | <i>Miễn nhiệm theo quyết số 17/HDQT-KTS ngày 11/4/2018</i> |
| - Ông Hồ Minh Tường | Kế toán trưởng | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Bà Trần Thị Nhi | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Đức Cần | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, tp. Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kon Tum, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Tổng Giám đốc
Lê Hồng Thái

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2018

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2018 từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30/06/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		329.957.938.333	268.468.843.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.727.444.425	17.349.439.905
1. Tiền	111		13.727.444.425	11.149.439.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		304.095.517.157	146.939.297.794
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	182.700.866.000	114.645.773.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	119.476.831.633	32.010.546.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.140.000.000	3.140.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.525.407.868	1.357.133.741
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.747.588.344)	(4.214.155.268)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.763.818.366	102.570.566.332
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.763.818.366	102.570.566.332
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.371.158.385	1.609.539.776
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	67.675.517	74.631.514
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.303.482.868	1.534.908.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.241.748.706	57.411.617.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.663.586.718	52.822.918.470
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	51.369.533.463	51.478.554.501
<i>Nguyên giá</i>	222		184.333.176.019	179.444.618.455
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(132.963.642.556)	(127.966.063.954)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.294.053.255	1.344.363.969
<i>Nguyên giá</i>	228		1.958.794.286	1.958.794.286
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(664.741.031)	(614.430.317)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		125.446.633.379	1.378.590.811
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	125.446.633.379	1.378.590.811
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.131.528.609	3.210.107.874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.131.528.609	3.210.107.874
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		511.199.687.039	325.880.460.962

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		357.024.293.503	173.072.037.623
I. Nợ ngắn hạn	310		272.363.022.200	173.072.037.623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	32.997.167.505	9.958.187.554
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	8.335.264.950	566.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	160.333.249	720.044.471
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.036.718.624	7.093.776.254
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	798.565.387	46.277.903
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	111.855.333	568.452.800
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	222.671.761.015	152.591.401.320
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	1.500.238.800	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.751.117.337	2.093.330.371
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		84.661.271.303	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	84.661.271.303	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.175.393.536	152.808.423.339
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	154.175.305.354	152.808.335.157
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	5.136.360.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.054.916.661	75.687.946.464
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.068.949.698	33.308.011.138
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.985.966.963	42.379.935.326
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		511.199.687.039	325.880.460.962

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Dạ Uyên

Hồ Minh Tường

Lê Hồng Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	507.654.422.585	294.571.430.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		507.654.422.585	294.571.430.078
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	488.966.623.234	243.306.142.303
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.687.799.351	51.265.287.775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.429.685.959	5.837.830.332
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.484.796.266	2.627.972.384
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.484.796.266	2.627.972.384
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	899.529.295	1.071.161.669
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.635.352.298	8.047.019.762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.097.807.451	45.356.964.292
11. Thu nhập khác	31	VI.7	190.011.476	377.409.430
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.062.238.822	2.023.686.632
13. Lợi nhuận khác	40		(872.227.346)	(1.646.277.202)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.225.580.105	43.710.687.090
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	1.239.613.142	1.330.751.764
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.985.966.963	42.379.935.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.585	7.842

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		464.529.542.907	223.934.116.880
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(425.288.798.426)	(320.421.019.968)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.394.871.609)	(19.599.553.289)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(7.732.508.782)	(2.581.694.981)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.719.793.530)	(1.139.297.406)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.677.189.738	2.686.547.558
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.062.354.584)	(21.183.882.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(991.594.286)	(138.304.783.731)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(162.947.762.783)	(38.270.317.396)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	63.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.573.929.591	5.320.158.436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(157.373.833.192)	(32.886.522.596)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		492.505.014.381	271.385.898.730
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(337.761.582.383)	(118.795.497.410)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(20.280.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		154.743.431.998	132.310.401.320
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.621.995.480)	(38.880.905.007)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.349.439.905	56.230.344.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.727.444.425	17.349.439.905

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 6100228104), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại km2 thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm có liên quan;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

Đặc điểm sản phẩm sản xuất hoặc dịch vụ cung cấp của doanh nghiệp: Công ty sản xuất theo vụ mía từ tháng 11 năm trước đến tháng 06 năm sau.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính từ 01/07/2017 đến 30/06/2018, Công ty đầu tư nâng cấp công suất nhà máy từ 1800 TMN lên 2500 TMN với tổng mức đầu tư là 172 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm 30/06/2018, nhà máy đang trong giai đoạn chạy thử, chưa có sản phẩm chính thức bán ra thị trường. Đồng thời bên cạnh việc nâng công suất nhà máy, Công ty cũng mở rộng hoạt động sang lĩnh vực bán buôn đường, do vậy doanh thu trong năm tăng mạnh so với năm trước.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 232 người (Tại ngày 30/06/2017 là 207 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Kỳ kế toán năm:** Bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc vào ngày 30/06 năm tiếp theo.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu về cho vay:** Gồm các khoản cho các công ty, tổ chức khác vay.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, các khoản phải thu khác...)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Với các khoản nợ phải thu khó đòi của vùng nguyên liệu mía kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính (xem thêm Thuyết minh V.6). Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng các chi phí nguyên vật liệu đã đưa vào sản xuất nhưng chưa hình thành thành phẩm.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30/06/2018, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ HH đã được đánh giá lại trong trường hợp:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
Máy móc thiết bị	07-15 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Thiết bị quản lý	05-08 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất của công ty không có thời hạn và không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm quản lý chất lượng của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm. Tài sản cố định vô hình khác được công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

5. Nguyên tắc kế toán thuế***a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Hoạt động sản xuất đường từ mía của công ty ở khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN, các hoạt động khác chịu thuế suất thuế TNDN 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b) Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Thời gian phân bổ</u>
Công cụ dụng cụ xuất dùng cho sản xuất	1 năm
Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm ô tô, phí đường bộ...)	1 năm
Tiền thuê đất	39,5 năm
Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn	1 - 3 năm
Các khoản chi phí trả trước khác	2 năm

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay*****Ghi nhận chi phí đi vay***

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: chi phí lãi vay được xác định dựa trên số gốc, lãi và số ngày trả lãi.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi chậm trả

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí văn phòng và chi phí bốc xếp, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (xem Thuyết minh IV.5)**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	144.831.819	41.574.851
Tiền gửi ngân hàng	13.582.612.606	11.107.865.054
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	13.727.444.425	11.149.439.905
Các khoản tương đương tiền	-	6.200.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	13.727.444.425	17.349.439.905

2. Phải thu khách hàng**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	-	78.050.000.000
Cty TNHH An Hà	10.650.000.000	-
Công Ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	40.444.760.000	-
Công Ty CP Xuất Nhập Khẩu Ngũ Cốc	96.190.100.000	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	34.500.000.000	9.000.000.000
Công Ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	-	27.595.773.250
Các khách hàng còn lại	916.006.000	-
Cộng	182.700.866.000	114.645.773.250

2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

3. Trả trước cho người bán**3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty CP Cơ Điện và Xây Lắp Hùng Vương	16.635.314.400	-
Triveni Turbine limited	-	5.131.800.000
Công Ty TNHH Mạc Tích	13.517.387.730	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	50.445.600.000	-
Trả trước đầu tư vùng nguyên liệu	15.120.260.805	11.323.634.982
Các khách hàng còn lại	23.758.268.698	15.555.111.089
Cộng	119.476.831.633	32.010.546.071

3.2 Trả trước cho người bán là bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty CP XD GT Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	450.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.140.000.000	3.140.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Phải thu khác***Phải thu khác ngắn hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	149.682.000	-	30.737.480	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH Kim Hà Việt	675.519.567	-	405.041.667	-
Công ty CP XNK Ngũ Cốc	269.313.533	-	-	-
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	235.069.436	235.069.436	235.069.436
Công ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	189.512.499	189.512.499	189.512.499
Các khoản phải thu khác	1.006.310.833	4.867.778	496.772.659	4.867.778
Cộng	2.525.407.868	429.449.713	1.357.133.741	429.449.713

6. Nợ xấu*Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn</i>						
Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	735.069.436	(735.069.436)	-	735.069.436	(735.069.436)	-
Công ty CP XD GT Thủy lợi Kiên Giang	639.512.499	(639.512.499)	-	639.512.499	(639.512.499)	-
Công ty CP Bắc Trung Bộ	194.867.778	(194.867.778)	-	194.867.778	(194.867.778)	-
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Trả trước cho nông dân trồng mía	192.833.336	(178.138.631)	14.694.705	982.475.655	(644.705.555)	337.770.100
Cộng	3.762.283.049	(3.747.588.344)	14.694.705	4.551.925.368	(4.214.155.268)	337.770.100

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.608.772.633	-	1.314.958.616	-
Công cụ, dụng cụ	7.424.725.336	-	4.292.669.711	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	196.241.701	-	965.125.945	-
Thành phẩm	115.459	-	67.802.358.828	-
Hàng hóa	533.963.237	-	28.195.453.232	-
Cộng	10.763.818.366	-	102.570.566.33	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2018.

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm đường bộ, phí đường bộ, tiền thuê đất	67.675.517	74.631.514
Cộng	67.675.517	74.631.514
	Số cuối năm	Số đầu năm
8.2 Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	231.940.380	260.381.721
Tiền thuê đất dài hạn	2.022.103.121	2.075.433.313
Sửa chữa lớn tài sản	833.033.418	869.762.645
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.451.690	4.530.195
Cộng	3.131.528.609	3.210.107.874

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	56.162.897.250	120.037.685.117	2.742.535.873	501.500.215	179.444.618.455
Tăng trong năm	5.232.109.364	115.000.000	-	-	5.347.109.364
Giảm trong năm	261.251.561	-	197.300.239	-	458.551.800
Số cuối năm	61.133.755.053	120.152.685.117	2.545.235.634	501.500.215	184.333.176.019
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	38.404.389.436	87.772.104.249	1.428.621.769	360.948.500	127.966.063.954
Tăng trong năm	1.491.290.108	3.664.441.268	235.893.564	48.610.000	5.440.234.940
Giảm trong năm	245.356.099	-	197.300.239	-	442.656.338
Số cuối năm	39.650.323.445	91.436.545.517	1.467.215.094	409.558.500	132.963.642.556
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.758.507.814	32.265.580.868	1.313.914.104	140.551.715	51.478.554.501
Số cuối năm	21.483.431.608	28.716.139.600	1.078.020.540	91.941.715	51.369.533.463

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

69.445.944.334 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

12.460.655.161 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

0 đồng

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	591.955.000	22.475.317	614.430.317
Tăng trong năm	-	43.125.000	7.185.714
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	635.080.000	29.661.031	664.741.031

Giá trị còn lại

Số đầu năm	1.180.000.000	43.125.000	1.223.125.000
Số cuối năm	1.180.000.000	-	1.180.000.000

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 635.080.000 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 0 đồng

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình nâng cấp nhà máy	125.446.633.379	1.378.590.811
Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	125.446.633.379	1.378.590.811

12. Phải trả người bán**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	1.255.750.000	1.255.750.000	8.700.000.000	8.700.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	1.628.000.000	1.628.000.000	-	-
Shrijee Process Engineering Works LTD	772.393.950	772.393.950	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	4.140.000.000	4.140.000.000	-	-
Công ty TNHH Kim Hà, Việt	1.864.975.702	1.864.975.702	230.425.584	230.425.584
Phải trả người bán mía nguyên liệu	17.898.280.860	17.898.280.860	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	5.437.766.993	5.437.766.993	1.027.761.970	1.027.761.970
Cộng	32.997.167.505	32.997.167.505	9.958.187.554	9.958.187.554

12.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

13. Người mua trả tiền trước**13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kim Hà Việt	8.334.698.000	-
Các khách hàng còn lại	566.950	566.950
Cộng	8.335.264.950	566.950

13.2 Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****14.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.453.341.069	7.453.341.069	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	154.025.425	154.025.425	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	566.332.259	1.239.613.142	1.719.793.530	86.151.871
Thuế thu nhập cá nhân	21.426.787	221.975.793	198.350.013	45.052.567
Thuế tài nguyên	-	262.481.110	234.501.340	27.979.770
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	208.332.101	208.332.101	-
Các loại thuế khác	132.285.425	1.015.258.515	1.146.394.899	1.149.041
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.277.325	3.277.325	-
Cộng	720.044.471	10.558.304.480	11.118.015.702	160.333.249

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Đường và các sản phẩm từ mía: 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	3.036.718.624	7.093.776.254
Cộng	3.036.718.624	7.093.776.254

16. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	798.565.387	46.277.903
Cộng	798.565.387	46.277.903

17. Phải trả khác**Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-	452.800
Phải trả, phải nộp khác	111.855.333	568.000.000
Cộng	111.855.333	568.452.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	152.591.401.320	152.591.401.320	407.841.942.078	337.761.582.383	222.671.761.015	222.671.761.015
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kon Tum (i)	76.821.981.507	76.821.981.507	68.910.603.317	145.732.584.824	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Kon Tum (ii)	75.769.419.813	75.769.419.813	193.127.338.761	113.828.997.559	155.067.761.015	155.067.761.015
Ngân hàng Công thương Gia Lai (iii)	-	-	145.804.000.000	78.200.000.000	67.604.000.000	67.604.000.000
Cộng	152.591.401.320	152.591.401.320	407.841.942.078	337.761.582.383	222.671.761.015	222.671.761.015

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính ngắn hạn

(i) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 97/17/NHNT ngày 11/08/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kontum, hạn mức tín dụng là 100 tỷ, mục đích sử dụng là tài trợ vốn lưu động của công ty, thời hạn nhận nợ tối đa của mỗi khoản nợ là 06 tháng, lãi suất cho vay 5,5%/năm, có thể điều chỉnh theo từng giấy nhận

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/666424/HĐTD ngày 13/11/2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum, hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng, đảm bảo bằng toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng và các tốt chức khác, mục đích sử dụng là tài trợ vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC của công ty, thời hạn và lãi suất theo từng lần nhận nợ.

(iii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 287/2017/HĐCVHM/NHCT500-DUONGKONTUM ngày 25/10/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động của công ty, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ.

18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	84.663.072.303	1.801.000	84.661.271.303	84.661.271.303
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Kon Tum (i)	-	-	84.663.072.303	1.801.000	84.661.271.303	84.661.271.303
Cộng	-	-	84.663.072.303	1.801.000	84.661.271.303	84.661.271.303

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính dài hạn

(i): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/666424/HĐTD ngày 14/06/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2017, mục đích vay là thực hiện dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1800 TMN lên 2500 TMN, số tiền tối đa là 93.828.000.000 đồng nhưng không được vượt quá 54,6% tổng mức đầu tư thực tế của dự án, thời điểm đáo hạn: ngày 16/8/2022, lãi suất 9,1%/năm; tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư.

19. Dự phòng phải trả**Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng phải trả tiền lương

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.500.238.800	-
	1.500.238.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: Phụ lục 1***20.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Ông Nguyễn Tấn Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
AMERICA LLC	2.541.900.000	-
Các cổ đông khác	36.965.100.000	39.507.000.000
Cộng	<u>50.700.000.000</u>	<u>50.700.000.000</u>

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.700.000.000	50.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>50.700.000.000</u>	<u>50.700.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	20.280.000.000

20.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

20.4 Cổ tức

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	Chưa công bố	40%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không		

20.5 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**Mục đích trích lập các quỹ**

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Được dùng để bổ sung vốn điều lệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Tỷ lệ trích lập các quỹ**

Theo quyết định của Đại hội cổ đông thường niên.

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Năm xóa nợ	Nguyên nhân xóa nợ
Xóa nợ cho nông dân vùng nguyên liệu	12.459.952.254	Từ năm 2011 đến nay	Các hộ trồng mía đặc biệt khó khăn, không có khả năng trả nợ

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đường thành phẩm	239.934.291.002	234.471.868.047
Doanh thu bán mật	14.387.271.430	15.972.165.000
Doanh thu bán bã bùn	2.366.815.142	2.929.571.961
Doanh thu bán phân bón	7.582.892.964	4.642.611.832
Doanh thu bán đường C	5.543.558.095	-
Doanh thu đường Tuy Hòa	66.433.333.333	35.952.380.952
Doanh thu đường Trà Vinh	76.190.476.190	-
Doanh thu đường Sơn La	94.485.142.857	-
Doanh thu khác	730.641.572	602.832.286
Cộng	507.654.422.585	294.571.430.078

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường thành phẩm	241.218.429.921	203.086.859.449
Giá vốn bán phân bón	7.082.755.596	4.398.664.124
Giá vốn bán đường C	5.333.601.948	-
Giá vốn đường Tuy Hòa	65.904.761.905	35.714.285.714
Giá vốn đường Trà Vinh	75.428.571.426	-
Giá vốn đường Sơn La	93.818.476.175	106.333.016
Giá vốn khác	180.026.263	-
Cộng	488.966.623.234	243.306.142.303

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.429.685.959	5.837.830.332
Cộng	8.429.685.959	5.837.830.332

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	8.484.796.266	2.627.972.384
Cộng	8.484.796.266	2.627.972.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	2.496.291	8.359.677
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.090.909	306.274.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.321.094	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	785.356.809	756.527.992
Chi phí bằng tiền khác	54.264.192	-
Cộng	899.529.295	1.071.161.669

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.308.618.920	5.438.002.758
Chi phí vật liệu quản lý	83.040	316.417
Chi phí đồ dùng văn phòng	144.764.056	216.548.327
Chi phí khấu hao TSCĐ	647.765.629	868.683.715
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	50.421.056
Chi phí dự phòng	237.880.360	297.046.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.686.915	190.440.548
Chi phí bằng tiền khác	2.129.553.378	985.560.424
Cộng	6.635.352.298	8.047.019.762

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	95.586.909	-
Các khoản khác	94.424.567	377.409.430
Cộng	190.011.476	377.409.430

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	455.000.000	420.000.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	25.011.000	573.221.354
Các khoản khác	582.227.822	1.030.465.278
Cộng	1.062.238.822	2.023.686.632

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.645.983.095	286.317.784.575
Chi phí nhân công	13.299.969.719	19.677.805.167
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.461.415.066	5.752.475.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.582.811.217	8.398.434.362
Chi phí khác bằng tiền	11.951.915.119	1.007.013.895
Cộng	185.942.094.216	321.153.513.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.239.613.142	1.330.751.764
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.239.613.142</u>	<u>1.330.751.764</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	10.225.580.105	43.710.687.090
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.062.238.822	8.344.713.668
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	455.000.000	420.000.000
Chênh lệch tiền lương đã hạch toán vào chi phí và thực trả đến 30/06/2018	-	6.321.027.036
Các khoản khác	607.238.822	1.603.686.632
Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập được miễn thuế	5.089.753.216	45.401.641.937
Các khoản khác	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước		
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	6.198.065.711	6.653.758.821
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	<u>1.239.613.142</u>	<u>1.330.751.764</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.985.966.963	42.379.935.326
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	8.985.966.963	42.379.935.326
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	949.298.348	2.618.996.766
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.585</u>	<u>7.842</u>

(*) Số trích lập năm trước theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Số liệu năm nay là số trích dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.070.000	5.070.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	Năm nay
Vay thanh toán công nợ phải trả người bán	269.523.927.022
Vay thanh toán tiền lương, bảo hiểm xã hội	6.388.714.718

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Thù lao	849.933.333	804.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương	457.016.617	614.139.418

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần XNK Ngũ cốc	Ông Lê Hồng Thái - TGD Đường Kontum là Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	Ông Đặng Việt Anh là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đường Kontum và Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Ông Đặng Việt Anh là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đường Kontum và Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Ông Đặng Việt Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt, bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên hội đồng quản trị Công ty) là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thị Thu Hằng là người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kontum
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	Bà Trần Thị Thái là Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng là mẹ Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kontum

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	209.223.939.047	139.095.238.523
Mua hàng	5.457.674.760	4.146.477.225
Doanh thu lãi trả chậm thanh toán	1.462.071.685	651.041.667
Công ty cổ phần XNK Ngũ cốc		
Bán hàng	180.937.238.094	28.194.076.190
Doanh thu lãi trả chậm thanh toán	271.914.903	-
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Mua hàng	65.904.761.905	35.714.285.714
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La		
Mua hàng	83.869.904.762	-
Chi phí lãi trả chậm thanh toán	233.332.602	272.727.273
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Bán hàng	63.967.033.333	31.000.000.000
Doanh thu lãi trả chậm thanh toán	67.273.210	97.650.000
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Bán hàng	4.571.428.572	41.543.593.571
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng		
Mua hàng	11.428.571.428	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Nợ phải thu</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải thu về lãi trả chậm	675.519.567	405.041.667
Phải thu về bán hàng	-	78.050.000.000
Công ty cổ phần XNK Ngũ cốc		
Phải thu về bán hàng	96.190.100.000	-
Lãi trả chậm thanh toán	269.313.533	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa</i>		
Phải thu khác	-	75.416.667
Trả trước cho người bán	-	2.500.000.000
<i>Công ty cổ phần Mía đường Sơn La</i>		
Trả trước cho người bán	50.445.600.000	-
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt</i>		
Phải thu của khách hàng	40.444.760.000	-
Phải thu về lãi trả chậm	63.223.319	-
<i>Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên</i>		
Phải thu của khách hàng	-	27.595.773.250
Cộng	188.088.516.419	108.626.231.584
<u><i>Nợ phải trả</i></u>		
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>		
Phải trả người bán	1.864.975.702	230.425.584
Người mua trả tiền trước	8.334.698.000	-
<i>Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa</i>		
Phải trả người bán	4.140.000.000	-
<i>Công ty cổ phần Mía đường Sơn La</i>		
Phải trả người bán	1.628.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng</i>		
Phải trả người bán	-	-
Cộng	15.967.673.702	230.425.584

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội.

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vĩnh Quang, tp. Kon Tum

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

PHỤ LỤC I:**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	42.379.935.326	42.379.935.326
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(20.280.000.000)	(20.280.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(8.805.440.986)	(8.805.440.986)
Giảm khác	-	-	-	-	(398.402.112)	(398.402.112)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	75.687.946.464	152.808.335.157
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.985.966.963	8.985.966.963
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(7.618.996.766)	(7.618.996.766)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	77.054.916.661	154.175.305.354

(*) Trong kỳ, công ty đã thực hiện phân phối quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chi tiết như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi 2.118.996.766 đồng

Quỹ khen thưởng ban điều hành 500.000.000 đồng

Quỹ phát triển vùng nguyên liệu 5.000.000.000 đồng



Kon Tum, ngày 24 tháng 9 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Dặng Việt Anh